

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57/PPC - TCHC
Về việc công bố thông tin
Báo cáo thường niên năm 2019

Bạc Liêu, ngày 08 tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Mã chứng khoán : PBP

Địa chỉ trụ sở chính : Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu

Điện thoại : (84) - 2913 957 555

Fax : (84) - 2913 957 666

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Cảnh Khánh

Địa chỉ thường trú: 278/22A, Tầm Vu, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84) - 2913 957 555

Fax: (84) - 2913 957 666

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: www.pbp.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng !

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Cảnh Khánh



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM



BAO BÌ DẦU KHÍ

Trao niềm tin nhận mùa vàng



(0291) 395 7555



Lô A 1-3 Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu



www.pbp.vn



BAO BÌ DẦU KHÍ
Trao niềm tin nhận mùa vàng

MỤC LỤC

	01	Thông tin chung
Tình hình hoạt động trong năm	02	
	03	Báo cáo Ban Giám đốc
Đánh giá của Hội đồng quản trị	04	
	05	Quản trị Công ty
Báo cáo tài chính	06	

Thông tin chung

- 📄 Thông tin khái quát về Công ty
- 📄 Ngành nghề, địa bàn kinh doanh
- 📄 Thông tin về mô hình quản trị
- 📄 Định hướng phát triển
- 📄 Các rủi ro



Thông tin khái quát

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: PPC

Giấy chứng nhận ĐKDN số: 1900437757 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp lần đầu ngày 11 tháng 06 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 08 năm 2019

Vốn điều lệ: 47.995.160.000 đồng

Địa chỉ: Lô A 1-3 Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Số điện thoại: (0291) 395.7555

Số fax: (0291) 395.7666

Website: www.pbp.vn

Mã cổ phiếu: PBP

Sàn chứng khoán: HNX

Logo:



Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi



Trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, uy tín trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì đóng gói và phân bón thông qua chiến lược phát triển bền vững.



Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao. Đảm bảo lợi ích người lao động, khách hàng và nhà đầu tư.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Uy Tín: Xây dựng thương hiệu uy tín, đảm bảo minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
Trách nhiệm: Công ty luôn đặt tâm huyết và trách nhiệm cao nhất trong mỗi sản phẩm để giữ gìn hình ảnh tốt đẹp của thương hiệu cũng như niềm tin của khách hàng.

Thân thiện: Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều theo hướng phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

Sáng tạo: Không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào quản lý, sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng, đa dạng sản phẩm - dịch vụ hóa để đáp ứng nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước.

Quá trình hình thành và phát triển

VĂN HÓA PPC

Uy tín Trách nhiệm Thân thiện Sáng tạo

10/06/2010 Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam chính thức thành lập;

Hoàn thành dự án, chuyển giao công nghệ. Ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm bao bì với Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).

Công suất bao bì đạt 100% thiết kế.

28/06/2010 Tổ chức lễ khởi công Dự án Nhà máy sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu tại Lô A 1-3 Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Tháng 04/2012 Nhà máy sản xuất Bao bì chính thức đi vào hoạt động vận hành và chạy thương mại.
Tháng 12/2012 PPC chính thức trở thành Công ty con của PVCFC.

Vận hành và ghép thành công sản phẩm bao BOPP trên máy tráng tận dụng.

27/01/2015 Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán PBP.

Trải qua gần 10 năm hình thành và phát triển, PPC với sự nỗ lực bền bỉ, tinh thần đoàn kết của cả tập thể nhân sự, chiến lược phát triển bền vững cùng nền tảng công nghệ tiên tiến; đến nay, Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì chất lượng cao tại Việt Nam, trong đó chủ lực là Bao PP dệt, PP tráng PE và BOPP ghép màng.

Năm 2015, PPC được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương và Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về các thành tích xuất sắc trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2016, Công ty được nhận bằng khen của Thủ tướng vì đã có thành tích tốt trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 2019, PPC thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Hơn thế nữa, Công ty đã chủ động triển khai, tổ chức xây dựng kênh phân phối kinh doanh phân bón riêng của PPC.

16/12/2016 Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu hoàn thành và đưa vào vận hành.
PPC cán mốc 20 triệu sản phẩm thương mại cung cấp cho thị trường.

Công ty tăng vốn lên 45.709.940.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 12%.

Đưa sản phẩm phân bón N Humate + TE ra thị trường.
PBP được cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2015.

Công ty tăng vốn lên 45.995.160.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 5%.
Công ty đã hoàn tất việc tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn và hiệu quả.

Phân bón cao cấp N.Humate+TE giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt, gia tăng năng suất, chất lượng và giá trị nông sản.



ĐAM CÀ MAU[®]
HẠT NGỌC MÙA VÀNG



ĐAM CÀ MAU[®]
HẠT NGỌC MÙA VÀNG

N.HUMATE + TE

“ Rẻ khỏe, dạt tươi - Bền cây, phát trái ”



THÀNH PHẦN

Nitơ (N) $\geq 28\%$; Độ ẩm $\leq 4\%$ wt %
Humic $\geq 5\%$; Kẽm (Zn) $\geq 1000\text{ppm}$
Boron (B) $\geq 400\text{ppm}$; Hữu cơ $\geq 6\%$



Giúp rẻ khỏe,
hấp thu
dinh dưỡng
tốt hơn

**Tăng
năng suất
cây trồng và
chất lượng
nông sản**

Kích thích
vi sinh vật
có lợi

Tăng độ
phì nhiêu
cho đất



Nghành nghề, hoạt động kinh doanh

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

Sản xuất sản phẩm chính:

- Sản xuất bao bì;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn phân bón.

Sản xuất kinh doanh khác:

- Bán buôn chất dẻo nguyên sinh;
- Kinh doanh chỉ may bao bì, PP, PE cotton;
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- In ấn.

Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên.

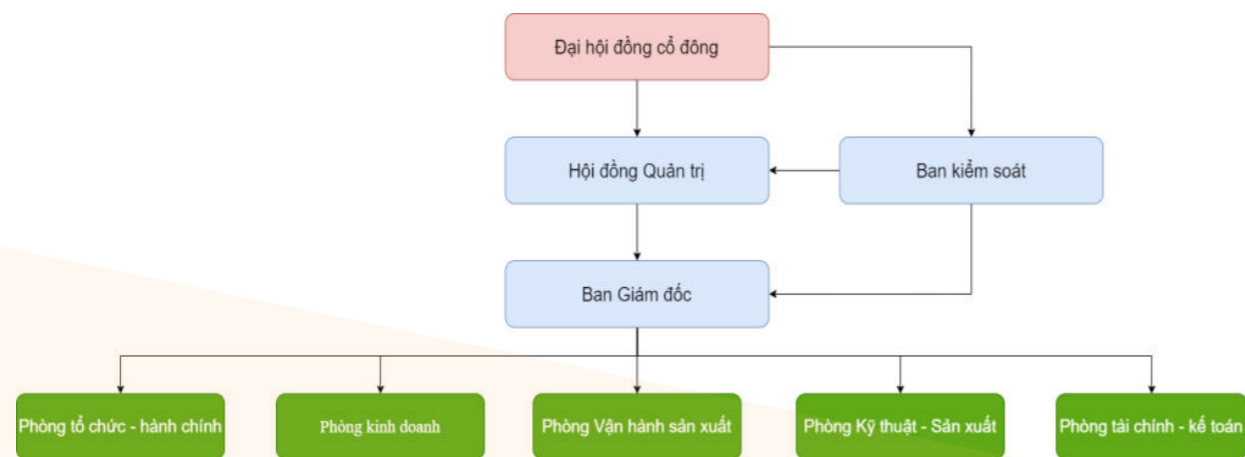


Mô hình quản trị, bộ máy quản lý

Công ty phát triển theo mô hình Công ty Cổ phần. Hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật liên quan:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.
- Ban Giám đốc (BGĐ): Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXXD) của Công ty.
- Ban Kiểm soát (BKS): Ban kiểm soát hoạt động thuộc sự quản lý điều hành của HĐQT, thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty theo yêu cầu của HĐQT.
- Các phòng ban liên quan: Hỗ trợ công việc cho Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Định hướng phát triển

“ CÔNG TY MẸ

Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) (chiếm 51,03% cổ phần của PPC)
 Vốn điều lệ: 5.294.000.000.000 đồng
 Địa chỉ: Lô D, KCN Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
 Hoạt động kinh doanh chính của PVCFC là: Sản xuất và kinh doanh phân bón.



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả;
- Nghiên cứu và triển khai phương án thoái vốn của PVCFC tại PPC;
- Quản lý, vận hành Nhà máy Bao bì đảm bảo 100% công suất và Nhà máy Phân bón đạt công suất tối thiểu là 12.000 tấn/năm;
- Chủ động tổ chức các công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa 02 Nhà máy vận hành liên tục;
- Luôn đáp ứng 100% nhu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng cho Khách hàng;
- Quản lý các chi phí một cách hiệu quả nhằm đưa ra giá cả hợp lý nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cho Khách hàng;
- Giữ vững thị phần trong nước và tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu;
- Đầu tư máy móc thiết bị, nghiên cứu để đưa ra các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường;
- Phát triển, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm phân bón;
- Luôn gia tăng lợi ích cho người lao động và cổ đông Công ty.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phấn đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại địa bàn miền Tây Nam Bộ trong ngành sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì, trong đó hoạt động sản xuất bao bì PP chất lượng cao làm lĩnh vực cốt lõi;
- Tiếp tục phát triển mảng bao bì, dự kiến đạt sản lượng 25-30 triệu bao/năm;
- Tăng thị phần mảng bao bì từ khách hàng bên ngoài tối thiểu 30%, bên cạnh đó đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm bao bì và phân bón sang Campuchia, Lào;
- Đẩy mạnh gia công các sản phẩm phân bón mới cho PVCFC và các đối tác bên ngoài nhằm đảm bảo nhà máy đạt công suất tối đa;
- Xây dựng kênh phân phối rộng khắp các tỉnh khu vực Tây Nam Bộ.



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

PPC luôn đặt mục tiêu sản xuất kinh doanh đi đôi với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Đặt trọng tâm vào công tác xã hội cũng như chăm lo, cải thiện đời sống vật chất lẫn tinh thần cho toàn thể CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên phối hợp với cơ quan chức năng địa phương và tổ chức xã hội nhằm thực hiện các chương trình cộng đồng để giúp đỡ các hoàn cảnh gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi, các mẹ Việt Nam Anh hùng,...

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Theo Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), mặc dù tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo sẽ giảm tốc nhưng Việt Nam vẫn có khả năng giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao so với các quốc gia trong khu vực. Năm 2019, GDP của Việt Nam tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức cao trong vòng 10 năm trở lại đây và thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất toàn cầu. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, chỉ đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng thấp do hạn hán, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng cây trồng. Ngành chăn nuôi chịu thiệt hại nặng nề bởi dịch tả lợn châu Phi, nông sản gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ và giá xuất khẩu. Tăng trưởng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2019 đạt 2,01%, riêng ngành nông nghiệp đạt mức tăng thấp 0,61%, là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011 - 2019.

PPC là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì phục vụ cho ngành nông nghiệp, với những khó khăn như hiện tại của ngành thì Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới để có những kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp, tránh bị động, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ các yếu tố vĩ mô.

Rủi ro về mặt pháp luật

Là một pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực bao bì và phân bón, cũng như đã niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam và các chính sách liên quan bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Môi trường,... Tuy nhiên, hiện tại hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện để đảm bảo tính minh bạch và phù hợp với xu thế nền kinh tế hiện nay. Theo đó, Công ty luôn chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, kế hoạch phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập sâu rộng, nhiều hiệp định thương mại quan trọng đã được ký kết thời gian qua. Vì vậy việc nắm bắt và cập nhật liên tục những quy định này là rất cần thiết cho sự phát triển của Công ty.



Rủi ro về các đặc thù ngành nghề

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu đầu vào của PPC chủ yếu là hạt nhựa PP (Poly Propylen) chiếm hơn 70% chi phí sản xuất kinh doanh. Do đó, sự biến động giá hạt nhựa sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Hiện nay, nguồn cung hạt nhựa PP của PPC một phần đến từ nhà máy lọc dầu Dung Quất, phần còn lại phải nhập khẩu từ Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan,... Mặt khác, nguyên liệu này là chế phẩm từ dầu khí do vậy sự biến động giá dầu trên thế giới cũng tác động mạnh đến giá nguyên vật liệu đầu vào của PPC. Những năm qua, giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động đã gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất bao bì nói chung và PPC nói riêng.







Rủi ro tỷ giá

Bên cạnh đó, Công ty còn nhập khẩu một số nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất phân bón, vì thế khi tỷ giá giữa USD/VND có xu hướng tăng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí đầu vào của PPC. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chủ động nghiên cứu thị trường nhằm có chiến lược hợp lý trong thu mua dự trữ nguyên vật liệu đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, đàm phán với các nhà cung cấp để ký được hợp đồng với mức giá và nguồn cung ổn định. Ngoài ra, PPC luôn chủ động tìm nguồn cung nguyên liệu bên ngoài để giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số nhà cung cấp.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh như: Lũ lụt, hạn hán, xâm ngập mặn, động đất,... Các rủi ro này có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty cũng chú trọng để phòng, xây dựng các giải pháp ứng phó nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại về người, tài sản của công ty.

Tình hình hoạt động kinh doanh

-  Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
-  Tổ chức và nhân sự
-  Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
-  Tình hình tài chính
-  Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
-  Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình chung của ngành phân bón năm 2019

Cùng với xu hướng chung của ngành phân bón thế giới, ngành phân bón trong nước đã bước vào giai đoạn bão hòa với tốc độ tăng trưởng ngành chậm lại, giai đoạn 2001 – 2015 đạt từ 2,5% – 3,9%/năm và giảm còn 1,96%/năm trong 2016 – 2018, đặt ra thách thức cho động lực phát triển của ngành phân bón giai đoạn tới. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng nông nghiệp hữu cơ, khiến việc sử dụng phân bón chất lượng cao, hàm lượng dinh dưỡng dồi dào, sử dụng tiết kiệm và không gây ô nhiễm môi trường được coi trọng hơn. Xu hướng sử dụng phân NPK chất lượng cao kết hợp với các loại phân bón hữu cơ, vì sinh kỳ vọng là động lực tăng trưởng cho ngành phân bón thế giới và Việt Nam trong giai đoạn tới. Trong năm 2019, nhu cầu phân bón trong nước được dự báo giảm nhẹ, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân do ảnh hưởng xấu từ hiện tượng El Nino đến sản xuất nông nghiệp, trong đó nhu cầu phân NPK giảm mạnh nhất (giảm 13% so với cùng kỳ) vì phân NPK rất nhạy cảm với yếu tố này, dẫn đến việc người nông dân có xu hướng sử dụng phân đơn thay thế (dễ tan hơn, tránh thất thoát) để giảm bớt thiệt hại khi xảy ra thời tiết xấu.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019

Đối với PPC, là doanh nghiệp vừa sản xuất bao bì phục vụ cho chủ yếu là các doanh nghiệp phân bón, cụ thể là PVCFC (chiếm 85% sản lượng sản xuất của PPC), vừa sản xuất phân bón phục vụ cho ngành nông nghiệp (chiếm tỷ trọng khoảng 22,79% doanh thu PPC) thì khi thị trường phân bón đang gặp khó khăn như hiện nay, sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của PPC.

Bảng hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2018	TH 2019	KH 2019	TH 2019/ TH 2018	TH 2019/ KH 2019
Sản lượng sản xuất						
Bao bì	Triệu bao	21,53	22,19	22,18	103,07%	100,05%
Phân bón	Nghìn tấn	7,73	8,81	8,50	113,97%	103,65%
Sản lượng tiêu thụ						
Bao bì	Triệu bao	21,62	22,18	21,80	102,59%	101,74%
Phân bón	Nghìn tấn	8,13	6,34	5,90	77,98%	107,46%
Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	236,90	224,62	219,66	94,82%	102,26%
DT Bao bì	Tỷ đồng	173,32	173,01	172,76	99,82%	100,14%
DT Phân bón	Tỷ đồng	63,42	51,18	46,91	80,70%	109,10%
DT bán bao phế	Tỷ đồng	0,17	0,31	-	182,35%	-
DT khác	Tỷ đồng	-	0,12	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,73	6,53	6,23	60,86%	104,82%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,66	5,34	5,17	55,28%	103,29%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	12%	-	12%	-	-



Năm 2019, Nhà máy Bao bì vận hành ổn định đạt 98,31% công suất thành phẩm, cung cấp bao bì một cách chủ động và đầy đủ, đảm bảo tiến độ, chất lượng cho hoạt động đóng gói sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau cũng như các khách hàng bên ngoài. Trong năm, sản lượng bao bì sản xuất là 22.185 nghìn bao, tăng 3,05% so với năm 2018 và hoàn thành kế hoạch đề ra. Sản xuất phân bón đạt 8.814 tấn, tăng gần 15% so với cùng kỳ năm trước và vượt hơn 3% kế hoạch.

Về sản lượng tiêu thụ bao bì năm 2019 là 22.176 nghìn bao đều tăng nhẹ so với cùng kỳ và kế hoạch đầu năm. Sản lượng tiêu thụ phân bón khoảng 6.341 tấn, giảm hơn 20% so với năm 2018 nhưng vẫn vượt kế hoạch đề ra.

Về doanh thu, năm 2019 đạt 223,74 tỷ đồng đã vượt kế hoạch nhưng chỉ bằng gần 95% so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu của sự sụt giảm này là do hạn hán kéo dài, tình trạng xâm nhập mặn diễn biến phức tạp làm cho mùa vụ trong nông nghiệp gặp khó khăn dẫn đến nhà máy phân bón Humate+te của Công ty hoạt động chưa hiệu quả.

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2019
2	Ông Lê Quốc Dũng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/01/2019
3	Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/05/2016
4	Ông Lê Quốc Bảo	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/02/2019
5	Ông Lê Cảnh Khánh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 17/08/2017

ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN - GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 13/08/1975

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
Từ 06/1997 đến 08/2001	Kỹ sư vận hành tại Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí
Từ 08/2001 đến 03/2005	Kỹ sư cơ khí, Phòng kỹ thuật tại Ban quản lý dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Từ 03/2005 đến 04/2008	Tổ trưởng tổ Cơ khí, Phòng Cơ điện – Tự động hóa tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
Từ 04/2008 đến 09/2008	Phó phòng kỹ thuật tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
Từ 09/2008 đến 07/2011	Giám đốc Xưởng sửa chữa Cơ khí tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
Từ 07/2011 đến 08/2012	Phó Giám đốc kỹ thuật, Phó Giám đốc phụ trách tại CTCP Bảo dưỡng & Sửa chữa công trình Dầu khí - Chi nhánh miền Nam
Từ 08/2012 đến 05/2013	Phó trưởng Ban Quản lý bảo dưỡng tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 05/2013 đến 02/2016	Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 02/2016 đến 10/2017	Phó Giám đốc Nhà máy Đạm kiêm Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng tại CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 10/2017 đến 01/2019	Phó trưởng Ban Kế hoạch đầu tư tại CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 06/2018 đến nay	Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 01/2019 đến nay	Giám đốc tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện	577.355 cổ phiếu tương ứng 12,03% vốn điều lệ

ÔNG NGUYỄN THANH NHUẬN - PHÓ GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 02/03/1981

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện – Điện tử
Quá trình công tác	
Từ 2006 – 2011	Kỹ sư Điện – Điện tử Công ty TNHH Thủy sản NiGiCo
Từ 2011 - 05/2016	Trưởng phòng Quản trị - Kỹ thuật CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 05/2016 - nay	Phó Giám đốc CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

ÔNG LÊ CẢNH KHÁNH - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 28/09/1970

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
1992 - 1996	Kế toán trưởng Trung tâm Tôm – Đại học Cần Thơ Kế toán trưởng CTCP Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Từ 2011 - nay	Kế toán trưởng CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	1.470 cổ phiếu tương ứng 0,03% vốn điều lệ

Thay đổi ban điều hành

Stt	Nghị quyết/ Quyết định	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	02/NQ-ĐHCĐ	Ông Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 22/11/2019
2	02/NQ-ĐHCĐ	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 22/11/2019
3	02/NQ-ĐHCĐ	Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 22/11/2019
4	02/NQ-PPC-HĐ	Ông Lê Quốc Dũng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/01/2019
5	02/NQ-PPC-HĐ	Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2019
6	05/QĐ-PPC-HĐ	Ông Lê Quốc Bảo	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/02/2019
7	02/NQ-ĐHCĐ	Ông Nguyễn Quang Tám	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 22/11/2019

Tổ chức và nhân sự

“Lực lượng lao động trẻ, năng động, sáng tạo là nòng cốt cho sự phát triển bền vững của PPC”

Cơ cấu nhân sự

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	220	100,00%
-	Cao đẳng, đại học, trên đại học	46	20,91%
-	Trung cấp chuyên nghiệp	27	12,27%
-	Sơ cấp chuyên nghiệp	7	3,18%
-	Phổ thông và công nhân kỹ thuật	140	63,64%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	220	100,00%
-	Hợp đồng có xác định thời hạn	108	49,09%
-	Hợp đồng không xác định thời hạn	112	50,91%
III	Theo độ tuổi	220	100%
-	Dưới 30 tuổi	43	19,55%
-	30-39 tuổi	135	61,36%
-	40-49 tuổi	38	17,27%
-	50-55 tuổi	4	19,55%
IV	Theo giới tính	220	100,00%
-	Nam	148	67,27%
-	Nữ	72	32,73%

Thu nhập bình quân của người lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số lượng người lao động	Người	263	220
Thu nhập bình quân	Đồng/tháng/người	7.170.000	7.660.000

Chính sách nhân sự

Con người là then chốt trong quá trình hoạt động và phát triển của Công ty. Hiểu được điều đó, Ban điều hành ngoài nhiệm vụ nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến việc nâng cao đời sống cho CBCNV, cụ thể:

- Công ty đã xây dựng hàng loạt các chương trình đào tạo, phát triển nhân viên ở từng cấp bậc phù hợp tới từng vị trí nhằm đảm bảo cung cấp kỹ năng và kiến thức cần thiết để có thể hoàn thành nhiệm vụ.
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với CBCNV theo quy định của Pháp luật (BHXH, BHYT, BHTN theo tiền lương thực nhận), duy trì các hoạt động tổ chức đoàn thể (Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên). Ngoài ra Công ty còn thực hiện tốt các chính sách liên quan người lao động như Bảo hiểm Tai nạn con người (24/24), khám sức khỏe định kỳ, duy trì trợ cấp nghỉ việc cho các cán bộ hưu trí, nâng lương, thưởng định kỳ các ngày Lễ trong năm; xét thưởng hàng Quý, thưởng thi đua 6 tháng một lần, CBCNV được tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài nước.
- Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho CBCNV.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao rèn luyện sức khỏe của nhân viên. Các hoạt động này được Ban lãnh đạo Công ty khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi thông qua các giải nội bộ thể dục thể thao, các hoạt động thi đấu. Các hoạt động được tổ chức bài bản, giúp nhân viên rèn luyện sức khỏe, tái tạo năng lượng và gắn kết trong công việc.

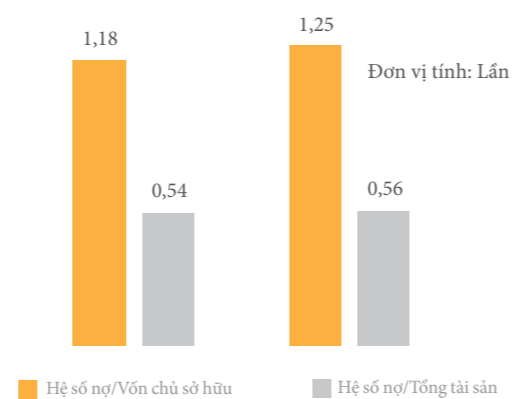
Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019
Khả năng thanh toán nhanh			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	1,14
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,77	0,37
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,54	0,56
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,18	1,25
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,20	6,15
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,74	1,61
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,08	2,39
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,61	9,21
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	7,04	4,15
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,60	2,92

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

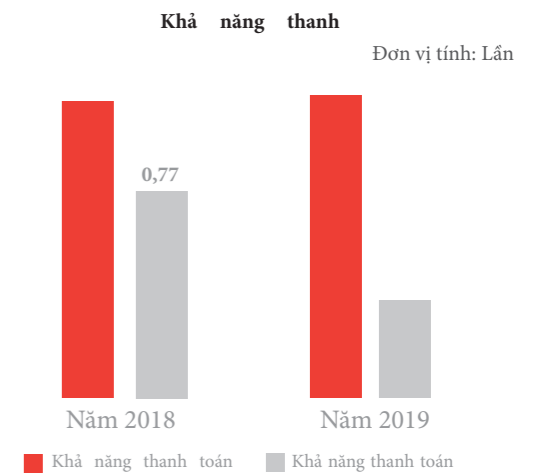
Nhìn chung các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty tương đối ổn định, các chỉ tiêu này chỉ tăng nhẹ so với năm 2018. Việc tăng này không đến từ tăng nợ vay ngân hàng mà là tăng các khoản nợ chiếm dụng vốn từ các đối tác (đây là các khoản nợ mà PPC không phải thực hiện các nghĩa vụ trả lãi vay), điều này cho thấy PPC đang dần giảm mức độ phụ thuộc vào các khoản nợ vay để giảm bớt áp lực chi trả lãi vay trong tình hình thị trường không thuận lợi như hiện nay.



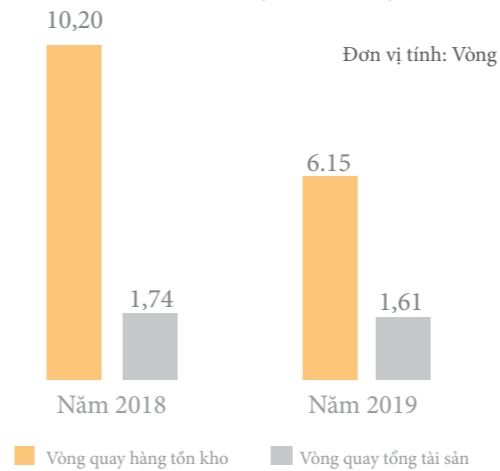
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty cải thiện không đáng kể, tuy nhiên khả năng thanh toán nhanh lại suy giảm rất mạnh. Hệ số thanh toán nhanh giảm từ 0,77 lần (năm 2018) xuống còn 0,37 lần (năm 2019) do lượng hàng tồn kho nguyên vật liệu và thành phẩm tăng rất cao, hàng tồn kho đã tăng từ 20,3 tỷ đồng năm 2018 lên 52,5 tỷ đồng năm 2019 (tăng gấp 2,59 lần). Với tình hình chung của ngành phân bón đang gặp nhiều khó khăn do yếu tố thời tiết thì việc lượng hàng tồn kho quá lớn sẽ gây áp lực cho PPC trong việc thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

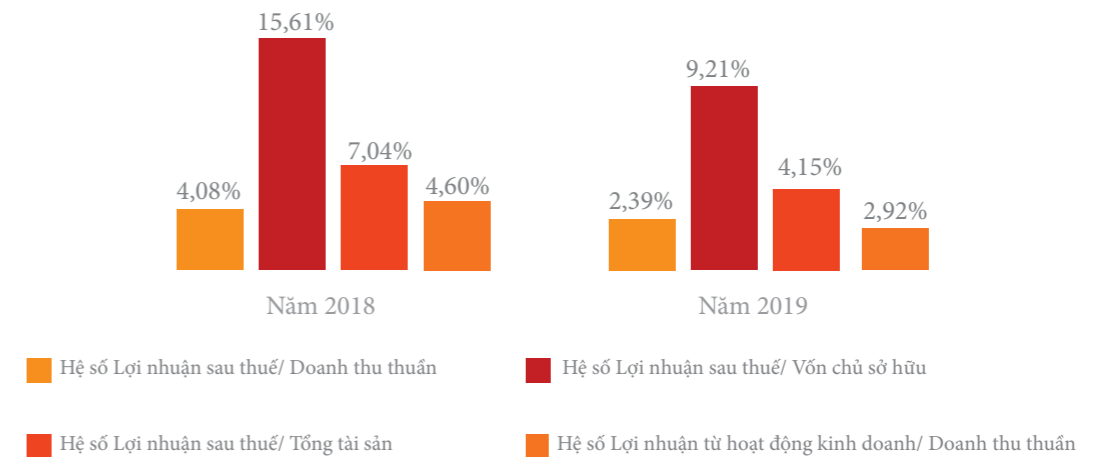


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Công ty là đơn vị sản xuất kinh doanh bao bì và phân bón nên lượng hàng tồn kho phần lớn là thành phẩm và nguyên vật liệu dùng trong sản xuất. Hàng tồn kho của Công ty tăng mạnh trong năm 2019 đã làm cho vòng quay hàng tồn kho của PPC giảm mạnh, từ 10,20 vòng (năm 2018) xuống chỉ còn 6,15 vòng (năm 2019). Điều này sẽ làm thiếu hụt vốn lưu động, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nhanh của Công ty. Tuy nhiên, việc duy trì lượng lớn hàng tồn kho bao gồm cả nguyên vật liệu và thành phẩm phần nào sẽ giúp Công ty chủ động hơn trong sản xuất, đáp ứng kịp thời cho khách hàng khi thị trường có sự hồi phục trở lại. Vòng quay tổng tài sản chỉ giảm nhẹ, cho thấy PPC vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối hiệu quả.

Hệ số khả năng sinh lời

Do tình hình chung của ngành trong năm 2019 không thuận lợi nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của PPC có sự sụt giảm so với năm 2018. Mặc dù lợi nhuận gộp năm 2019 giảm 15,6% so với cùng kỳ và hoạt động tài chính tăng mạnh nhưng do PPC đẩy mạnh công tác bán hàng đã làm chi phí bán hàng tăng 52% so với cùng kỳ. Kết quả là lợi nhuận sau thuế giảm mạnh đến 39% cùng kỳ, làm cho tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đã giảm từ 15,61% (năm 2018) xuống 9,21% năm 2019.



Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu tại ngày 31/12/2019

- Vốn điều lệ công ty: 47.995.160.000 đồng
- Tổng cổ phiếu phát hành: 4.799.516 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.799.516 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/10/2019

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	130	4.739.465	98,75%
-	Tổ chức	4	2.802.067	58,38%
-	Cá nhân	126	1.937.398	40,37%
2	Cổ đông nước ngoài	6	60.051	1,25%
-	Tổ chức	2	945	0,02%
-	Cá nhân	4	59.106	1,23%
	Tổng cộng	136	4.799.516	100,00%

Tình hình thay đổi vốn điều lệ

Trong năm 2019, PPC có tăng điều lệ từ 45.709.940.000 đồng lên 47.995.160.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông.

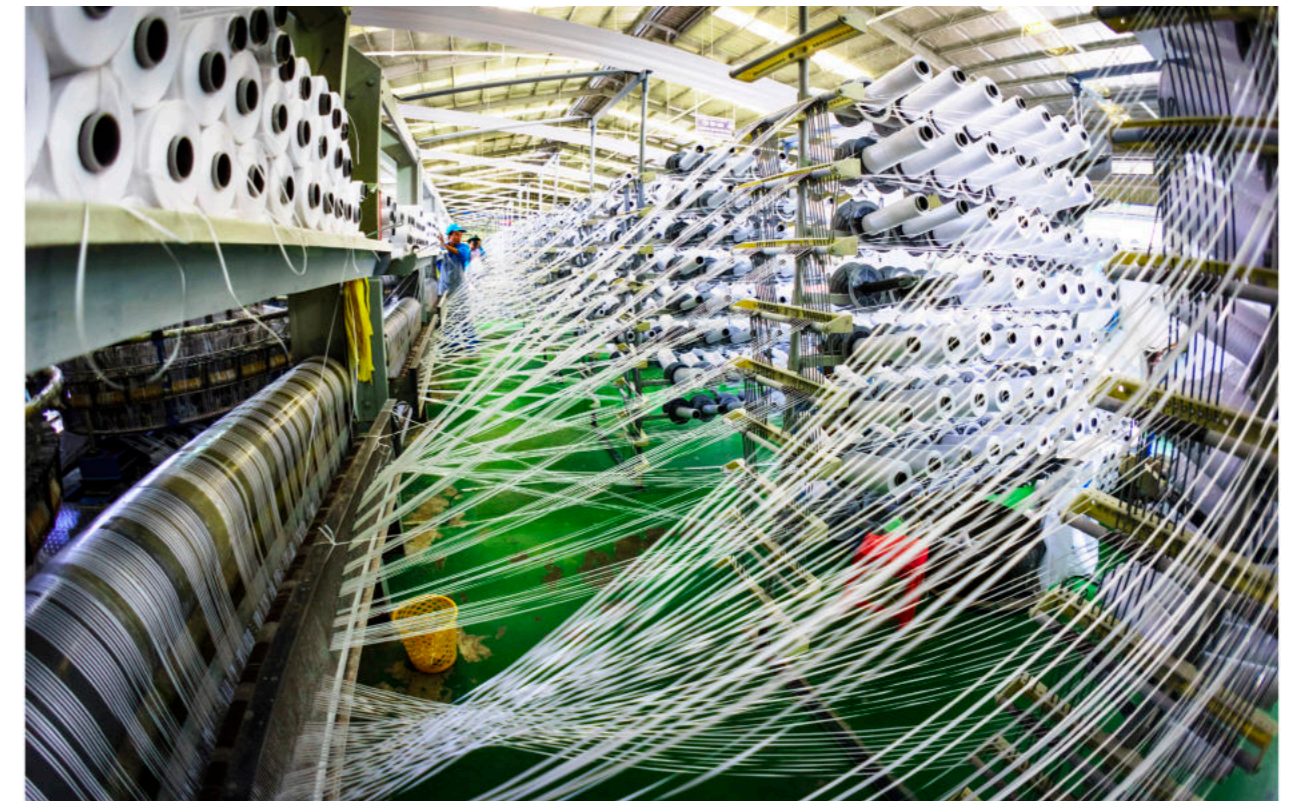
Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án: Trong năm 2019, PPC không thực hiện đầu tư dự án mới.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Là một Công ty sản xuất thì trong quá trình hoạt động đều có tác động tích cực và tiêu cực đối với môi trường. Do đó, Ban Lãnh đạo Công ty luôn yêu cầu mọi CBCNV phải có ý thức quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý đảm bảo hoạt động sản xuất hiệu quả, vừa tiết kiệm chi phí đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất Bao bì của Công ty, lượng phế phẩm được tái chế sử dụng lại hơn 80%. Với ngành nghề sản xuất bao bì thì việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế góp phần tiết kiệm chi phí đáng kể của Công ty. Để hạn chế lượng phế phẩm mức tối thiểu, Ban lãnh đạo Công ty luôn khuyến khích CBCNV tăng cường sáng tạo cải tiến trong sản xuất, giảm thiểu tối đa lượng phế phẩm trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.

Tiêu thụ năng lượng

- Định mức điện: đối với Nhà máy Bao bì định mức tiêu hao điện năng là 01 kWh/kg sản phẩm; đối với Nhà máy Phân bón định mức tiêu hao điện năng là 0,058 kWh/kg. Giá điện: 1.864,44 đồng/Kwh.
- Định mức dầu Do cho Nhà máy Phân bón: 22 lít/tấn.
- Lượng tiêu thụ năng lượng chủ yếu của Công ty là năng lượng điện, dầu DO. Là một doanh nghiệp sản xuất thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất lớn. Do đó, Công ty luôn đưa ra các biện pháp tiết kiệm năng lượng tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy.

Ngoài ra, Công ty cũng đưa ra các hành động thiết thực như hưởng ứng giờ trái đất, thực hiện hành động tắt điện khi không sử dụng, tổ chức tập huấn hướng dẫn công nhân viên những kiến thức về nguyên lý hoạt động, công nghệ vận hành, giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm,... Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.

Tiêu thụ nước

Nguồn nước Công ty sử dụng được lấy từ 02 nguồn: Nhà máy cấp thoát nước và nguồn nước ngầm, được đấu nối hệ thống cấp thoát nước của Khu công nghiệp nhằm kiểm soát chặt chẽ nguồn nước đảm bảo an toàn môi trường.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2019, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ luật pháp về môi trường là cam kết hàng đầu của Công ty. Bên cạnh đó, áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường là một hướng đi kiên quyết đối với mọi dự án mới triển khai. Công ty tích cực tham gia hưởng ứng và duy trì các hoạt động bảo vệ môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp”. Thực hành tiết kiệm năng lượng điện, nước,... giảm lượng nước thải, rác thải ra môi trường. Duy trì an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy của Công ty và trong khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh.



Trách nhiệm đối với cộng đồng
Phát triển bền vững không chỉ từ nội tại doanh nghiệp mà còn từ cộng đồng, xã hội. Các hoạt động thiện nguyện không chỉ dừng lại ở xây dựng hình ảnh mà còn là tâm của Ban lãnh đạo Công ty luôn hướng đến cộng đồng, xã hội vì mục tiêu chung ổn định và phát triển. Bên cạnh đó, Công ty luôn ưu tiên tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương. Tích cực xây dựng các quỹ từ thiện xã hội nhằm quyên góp cho đồng bào bị lũ lụt thiên tai, hạn hán,...

Chính sách liên quan đến người lao động

► Chính sách đào tạo

Công ty luôn đề cao và coi trọng lao động vì đó là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thành công trong các hoạt động của PPC. Chính sách đào tạo của Công ty được thực hiện theo kế hoạch từng phần công việc, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những vị trí cao hơn.

► Chính sách lương, thưởng

Xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng công việc, đảm bảo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trong cùng ngành, nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

Thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc của người lao động. Định kỳ hằng năm xét nâng lương, nâng bậc cho những cá nhân có thành tích tốt trong công tác.

Công ty luôn thực hiện khen thưởng cho những cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc các đóng góp mà hội đồng khen thưởng Công ty xét thấy hợp lý.

► Chính sách phúc lợi, đãi ngộ

Tất cả CBCNV Công ty đều được đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định. Các chế độ phụ cấp như: độc hại, kiêm nhiệm, chức vụ,... đều được thanh toán đầy đủ kịp thời theo từng kỳ lương.

Công đoàn Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của các CBCNV. Thường xuyên có trợ cấp cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị ốm đau, bệnh tật,... nhằm động viên kịp thời CBCNV và người thân trong gia đình, thể hiện nghĩa tình của Công ty với người lao động.

Định kỳ hằng năm, Công ty đều tổ chức cho toàn thể CBCNV khám sức khỏe, tổ chức cho các CBCNV đi du lịch, nghỉ mát,...



Báo cáo của Ban Giám đốc



Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc



Tình hình tài chính Công ty



Kế hoạch phát triển tương lai



Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

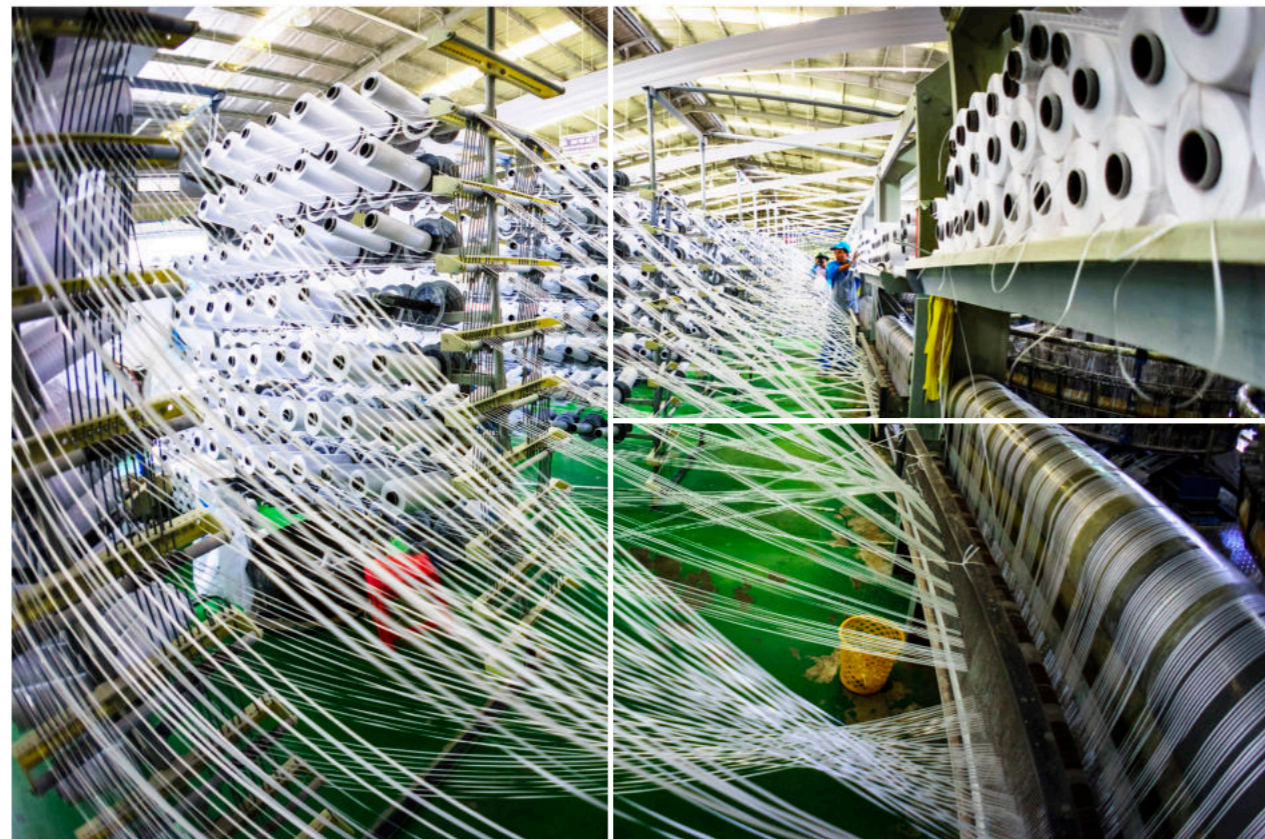
Trong năm 2019, PPC đã có những thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

Thuận lợi:

- Khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có nguồn lực lao động lớn;
- Công ty có nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định và uy tín;
- Được quan tâm, hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), PVCFC và các cơ quan ban ngành tại địa phương;
- Có nguồn đầu ra ổn định và chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 85%) sản lượng sản xuất để cung cấp cho nhà máy Đạm Cà Mau.
- Tinh thần phấn đấu, nỗ lực cao độ của tập thể người lao động và ban lãnh đạo PPC;
- Các lợi thế về dây chuyền, quy mô, năng lực sản xuất, thương hiệu ngành Dầu khí,...

Khó khăn

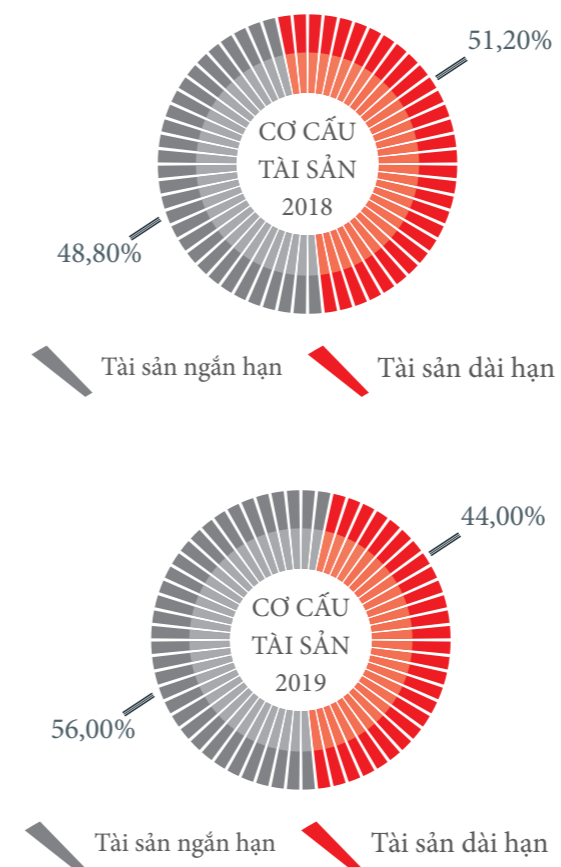
- Bên cạnh đó, PPC cũng đối mặt với không ít khó khăn về áp lực cạnh tranh ngày càng cao trên thị trường;
- Diễn biến tiêu cực về thời tiết: hạn hán, xâm nhập mặn,... làm ảnh hưởng trực tiếp đến ngành nông nghiệp và tác động gián tiếp đến ngành phân bón;
- Vị trí địa lý không thuận lợi, cơ sở hạ tầng tại khu vực miền Tây chưa được hoàn thiện nên làm tăng chi phí vận chuyển;
- Cơ sở hạ tầng của nhà máy xuống cấp và chưa được đầu tư đồng bộ;
- Nguồn nguyên liệu phụ thuộc vào phế phẩm Ure và hàng nhập khẩu.



Tình hình tài chính Công ty

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2018	31/12/2019
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	66,24	77,69
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	2,74	6,69
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	42,31	17,79
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	20,33	52,49
Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	0,86	0,72
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	69,45	61,05
Tổng tài sản	Tỷ đồng	135,69	138,74



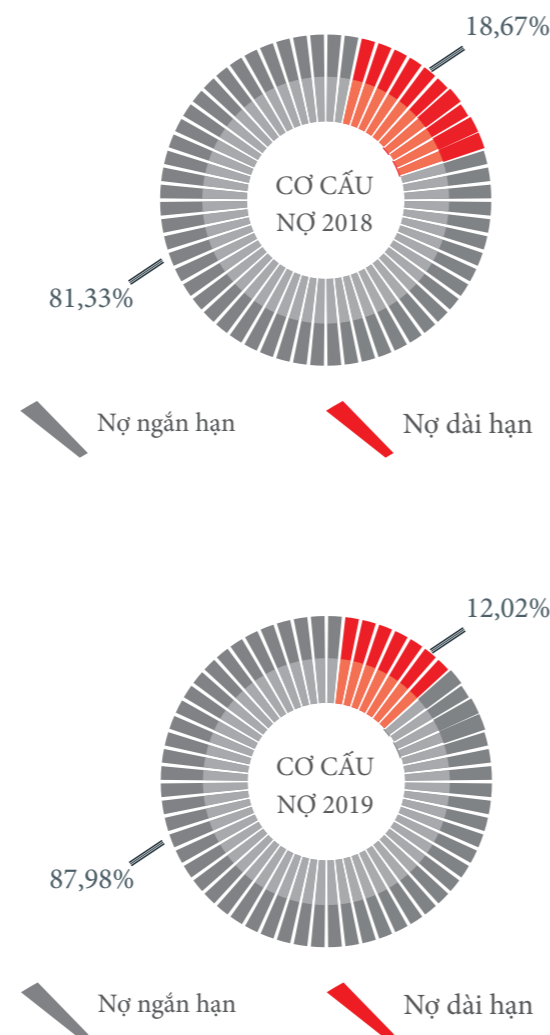
Năm 2019, cơ cấu tài sản của PPC có sự chuyển dịch từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn. Tại thời điểm 31/12/2019, tài sản ngắn hạn chiếm 56% tổng tài sản của PPC, cao hơn so với con số 48,8% ở thời điểm cuối năm 2018. Tài sản ngắn hạn tăng 17,3% so với cùng kỳ, là do tăng mạnh ở khoản mục Hàng tồn kho, mặc dù Phải thu khách hàng có sự sụt giảm mạnh. Trong năm 2019, nhờ công tác thu hồi nợ đạt hiệu quả tốt, công ty mẹ (PVCFC) thực hiện thanh toán các khoản nợ phải thu cho PPC nên khoản phải thu khách hàng giảm 58,1% chỉ còn 17,7 tỷ đồng; tạo dòng tiền dồi dào, gia tăng lượng tiền mặt cho Công ty. Tuy nhiên, năm 2019 là một năm khó khăn với ngành phân bón nói chung và các doanh nghiệp sản xuất phân bón nói riêng, điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất bao bì của PPC, làm cho lượng hàng tồn kho thành phẩm và tồn kho nguyên vật liệu của PPC tăng mạnh so với cùng kỳ. Tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2019 chiếm 44% tổng tài sản và giảm hơn 12%, chủ yếu do trích khấu hao các tài sản cố định làm cho giá trị còn lại của các tài sản này giảm.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2018	31/12/2019
Nợ phải trả	Tỷ đồng	73,59	77,15
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	59,85	67,88
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	13,74	9,27
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	62,10	61,59
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	135,69	138,74

Nợ phải trả của PPC phần lớn là nợ ngắn hạn, chiếm gần 88% tổng nợ phải trả năm 2019. Trong đó, 48,4 tỷ đồng (chiếm 71,9% nợ ngắn hạn) là nợ mà PPC chiếm dụng từ nhà cung cấp, từ người lao động và các khoản chiếm dụng khác; phần còn lại khoảng 19,1 tỷ đồng (chiếm 28,1% nợ ngắn hạn) là nợ vay ngắn hạn không quá 3 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì và phân bón trong năm. Nợ dài hạn chiếm 12% tổng nợ, hoàn toàn là nợ vay ngân hàng để phục vụ cho mục đích đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Công ty. Nợ vay dài hạn giảm dần qua các năm do Công ty đã đảm bảo được dòng tiền hoạt động kinh doanh để thực hiện trả các khoản lãi và gốc vay, giúp giảm áp lực lãi vay cho Công ty. Tính đến hết ngày 31/12/2019, phần nợ vay phải chịu lãi của PPC (cả ngắn hạn và dài hạn) chỉ còn 28,36 tỷ đồng, giảm 26,57% so với cùng kỳ 2018.

Vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm nhẹ và ở mức 61,59 tỷ đồng năm 2019, chiếm tỷ trọng 44,4% tổng nguồn vốn. Trong đó phần vốn góp chủ sở hữu tăng mỗi năm tương ứng với tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông. Riêng năm 2019, PPC vừa chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5% vừa trả bằng tiền mặt với tỷ lệ 7%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 700 đồng) cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối nên LNST chưa phân phối của năm nay giảm mạnh khoảng 4,2 tỷ đồng, tương ứng 43,8% so với cùng kỳ năm 2018.



Cuối năm 2019, PVCFC đã giao cho PPC chủ động trong công tác kinh doanh phân bón tại các khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Công ty đã hoàn thiện đội ngũ bán hàng, xây dựng chính sách bán hàng để triển khai đến các đại lý, tăng cường thực hiện các chương trình quảng bá về sản phẩm để nông dân có thể tiếp cận và hiểu về sản phẩm nhiều hơn như: tổ chức hội thảo nông dân, họp nhóm nông dân,...



Kế hoạch phát triển tương lai

- Vận hành an toàn, ổn định Nhà máy Bao bì đảm bảo chất lượng sản phẩm và đạt công suất tối thiểu 100% và Nhà máy Phân bón đạt công suất tối thiểu 12.000 tấn/năm, trong đó sản xuất phân N. Humate+te là 6.000 tấn và thực hiện gia công 6.000 tấn;
- Chủ động lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa. Đảm bảo 02 Nhà máy vận hành liên tục, hiệu quả;
- Tổ chức bộ máy, hệ thống kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm phân bón N. Humate+te năm 2020 tối thiểu 9.000 tấn (giải phóng lượng tồn kho năm 2019 và tiêu thụ lượng năm 2020 sản xuất) và tìm đối tác gia công 6.000 tấn;
- Tăng cường phát triển tỷ trọng bao bì bên ngoài chiếm tối thiểu 20% trên tổng sản lượng tiêu thụ kế hoạch đề ra;
- Nghiên cứu và triển khai phương án thoái vốn của PVCFC tại PPC;
- Thực hiện chương trình phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty giao.



Kế hoạch sản xuất, kinh doanh cụ thể năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2019	KH 2020	KH 2020/TH 2019
Sản lượng tiêu thụ				
Bao bì	Triệu bao	22,18	22,51	101,49%
Phân bón	Nghìn Tấn	5,90	15,00	254,24%
Doanh thu thuần				
Bao bì	Tỷ đồng	173,43	182,19	105,05%
Phân bón	Tỷ đồng	50,31	83,26	165,49%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,53	6,68	102,30%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,34	5,55	103,93%

Các giải pháp thực hiện

Về sản xuất, kỹ thuật và công nghệ

- Vận hành an toàn và hiệu quả nhà máy Bao bì đạt công suất 22,51 triệu bao/năm và Phân bón đạt công suất tối ưu.
- Áp dụng và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện bộ định mức tiêu hao nguyên vật liệu, thực hành tiết kiệm nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất.
- Thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng một cách có kế hoạch và hiệu quả, đảm bảo kế hoạch tồn kho vật tư, phụ tùng an toàn và hiệu quả đáp ứng kịp thời công tác bảo trì bảo dưỡng.
- Tăng cường cải tiến máy móc thiết bị theo hướng tự động hóa.
- Nâng cao hoạt động giám sát an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm từ nguồn nguyên liệu đầu vào, từng công đoạn sản xuất và đầu ra.
- Tăng cường nghiên cứu cải tiến chất lượng sản phẩm, phát triển đa dạng chủng loại sản phẩm, đẩy mạnh chương trình cải tiến, sáng kiến trong sản xuất.
- Tạo quan hệ với các đơn vị bạn trong ngành để đưa CBCNV tham quan trao đổi học hỏi kinh nghiệm.
- Tăng cường đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV, đặc biệt đào tạo nội bộ.
- Tìm nguồn nguyên vật liệu tối ưu để tiết kiệm chi phí.
- Ưu tiên tuyển dụng lao động có trình độ, kinh nghiệm, tay nghề.



Giải pháp cụ thể của Nhà máy Bao bì:

- Tìm kiếm nguồn nguyên liệu có chất lượng tương đương thay thế nguồn nguyên liệu chất lượng tốt hiện tại với giá thấp sao cho tương thích với chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.
- Đẩy mạnh chương trình sáng kiến cải tiến trong sản xuất kinh doanh để tiết giảm tỷ lệ hao hụt trong sản xuất.
- Cải tiến công nghệ sản xuất Bao ghép màng BOPP, bao tráng in đạt chất lượng tốt nhất đảm bảo nhu cầu bao bì cho Nhà máy Đạm Cà Mau và thị trường bên ngoài.
- Tăng cường đào tạo nội bộ trong sản xuất để tối ưu hóa nguồn nhân lực hiện tại.

Giải pháp của Nhà máy Phân bón:

- Cải tiến hệ thống sấy bằng nhiên liệu dầu DO sang hệ thống đốt than để tiết giảm chi phí nhiên liệu và giảm áp lực rủi ro khi giá dầu biến động.
- Nâng cấp hệ thống điều khiển tự động để nâng cao, ổn định chất lượng sản phẩm.
- Nghiên cứu thêm những dòng sản phẩm mới có thể sản xuất trên dây chuyền hiện tại.
- Tăng cường cải tiến thiết bị để nâng cao công suất và tiết giảm tỷ lệ hao hụt.
- Tăng cường tìm kiếm nguồn nhiên liệu Humic chất lượng giá rẻ để tiết giảm chi phí.

Kế hoạch kinh doanh

Bao bì



- Phối hợp chặt chẽ với PVCFC để cung cấp Bao bì nhanh chóng, kịp thời đáp ứng được nhu cầu về sản lượng và chất lượng của Nhà máy Đạm Cà Mau.
- Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên bán hàng để xây dựng đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp.
- Phát triển thị trường khách hàng bên ngoài (các khách hàng có nhu cầu ổn định và tương đối lớn).
- Lập dữ liệu khách hàng, đánh giá từng đối tượng khách hàng để tiếp cận một cách hiệu quả nhất.
- Tìm hiểu và phát triển thị trường xuất khẩu.
- Tìm hiểu kỹ về chính sách, văn hóa, nhu cầu của các thị trường xuất khẩu để nắm bắt cơ chế, qui định và các điều kiện của xuất khẩu.

Phân bón



- Xây dựng kênh phân phối tiêu thụ 10.000 tấn phân N. Humate, tìm đối tác gia công phân bón NPK đảm bảo Nhà máy phân bón vận hành đạt công suất tối ưu nhất.
- Tăng cường tìm kiếm thêm 02 khách hàng Campuchia để đảm bảo tiêu thụ tối thiểu 1.000 tấn/năm.
- Phát triển thêm sản phẩm Phân N. Humate+te tại thị trường Campuchia.
- Phối hợp chặt chẽ với PVCFC để cung cấp lượng Phân bón kịp thời theo thời vụ.
- Thực hiện gia công các sản phẩm mới thử nghiệm của Nhà máy Đạm Cà Mau; tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước thực hiện gia công các sản phẩm phân bón NPK, khác.

► Về đầu tư

- Triển khai nghiên cứu, thực hiện đầu tư đúng quy định hiện hành đảm bảo tiến độ kế hoạch đề ra, tiết kiệm và hiệu quả.
- Công suất 02 máy cắt may hiện tại đạt bình quân khoảng 60.000 bao/ ngày, cả năm khoảng 20,2 triệu bao, bên cạnh đó tại những thời điểm mùa vụ cao điểm nhu cầu bao bì có thể lên tới 120.000 bao/ ngày. Theo Kế hoạch SXKD năm 2020 đặt ra là 22,5 triệu bao nên cần đầu tư 1 máy cắt may tự động với tổng mức đầu tư dự kiến là 2 tỷ đồng.

► Về quản trị chi phí, tài chính

- Quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát được dòng tiền, nguồn hàng làm tăng khả năng quay vòng vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.
- Kiểm soát kế hoạch theo từng mục tiêu; Kiểm soát chi phí theo Cost center; khoán chí phí đến từng bộ phận.

► Về quản trị nguồn lực

- Tái cơ cấu mô hình tổ chức của Công ty một cách tinh gọn nhằm phát huy tối đa nguồn lực của Công ty.
- Đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ công nhân viên để đáp ứng được nhiệm vụ được giao.

► Về môi trường, an toàn, sức khỏe

- Chú trọng trong công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
- Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp theo các giá trị cốt lõi: “Uy tín – Trách nhiệm - Thân thiện - Sáng tạo”.
- Mở lớp tập huấn về an toàn lao động và phòng cháy cho CBCNV nhà máy.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường nhất là xung quanh nơi làm việc.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2019 của Công Ty Cổ Phần Bao bì Dầu khí Việt Nam, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

300000

250000

200000



Đánh giá của Hội đồng quản trị



Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc



Kế hoạch năm 2020 và định hướng 5 năm của Hội đồng quản trị



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2019

Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2019

Năm 2019 là năm đầy thách thức đối với PPC, tình hình tiêu thụ phân bón gặp nhiều khó khăn, ngành bao bì cạnh tranh gay gắt, với những nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, PPC đã đạt được những kết quả nhất định, cụ thể:

Về sản lượng sản xuất

- Nhà máy Bao bì: vận hành ổn định, sản lượng đạt kế hoạch đã đề ra và tăng hơn 3% so với năm 2018.
- Nhà máy Phân bón: sản lượng trong năm đều vượt kế hoạch và cùng kỳ năm 2018.

Về sản lượng tiêu thụ

- Sản lượng tiêu thụ Bao bì năm 2019 đều tăng nhẹ so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước, lần lượt tăng 1,74% và 2,59%.
- Tương tự sản lượng tiêu thụ Phân bón, sản lượng tiêu thụ Phân bón cũng vượt kế hoạch đề ra gần 8%. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn của ngành nông nghiệp nên sản lượng năm 2019 giảm hơn 20% so với năm 2018.

Về công tác quản trị

- Trong năm 2019, PPC đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty nghiêm ngặt, thực hiện việc công bố thông tin đúng quy định pháp luật. Hơn thế nữa đầu năm 2019, PPC đã thực hiện tái cấu trúc bộ máy, hướng tin gọn và phù hợp với tình hình thực tế Công ty.

Một số công tác khác

- PPC luôn quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực, tổ chức các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao tay nghề cho người lao động; Kịp thời khen thưởng, khuyến khích và phát động tinh thần sáng tạo trong tác nghiệp của CBCNV.
- Tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội,... các chế độ kế toán theo quy định; Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội tại địa phương, những vùng lân cận, hỗ trợ giúp đỡ cho những gia đình cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2019

Kết quả sản xuất kinh doanh của PPC trong giai đoạn 2016 – 2019

Từ năm 2016 đến cuối năm 2019, với sự hỗ trợ, quan tâm của PVCFC cùng với nỗ lực của toàn thể cán bộ lãnh đạo, người lao động trong Công ty, PPC đã từng bước hoàn thiện và phát triển ổn định. Với mục tiêu chiến lược phát triển bền vững, năm 2016 PVCFC đã giao cho PPC triển khai dự án Nhà máy Phân bón N. Humate với công suất 30.000 tấn/năm, đây được xem là cột mốc đánh dấu bước ngoặt mới của PPC khi mở rộng thêm lĩnh vực phân bón. Tuy nhiên, PPC gặp rất nhiều khó khăn bởi chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực này, nhưng với sự cố gắng quyết tâm Công ty đã từng bước học hỏi kinh nghiệm và ngày càng hoàn thiện.

Nhìn chung trong giai đoạn 2016 - 2019, tình hình sản xuất kinh doanh mảng Bao bì của Công ty tương đối ổn định, riêng mảng phân bón còn nhiều khó khăn. Cụ thể như sau:

Về sản xuất

Triển khai sản xuất nhà máy Bao bì với công suất tối ưu, an toàn và hiệu quả, cụ thể sản lượng sản xuất tính đến cuối năm 2019 là 105.036 nghìn bao, đạt 99,82% so với kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, tăng 68% so với giai đoạn 2011 - 2015. Nguyên nhân sản lượng sản xuất chưa đạt kế hoạch do năm 2017 là năm đầu Nhà máy Phân bón bắt đầu đi vào hoạt động nên nguồn lực tập trung nhiều vào lĩnh vực phân bón dẫn đến sản lượng sản xuất trong năm đó không đạt kế hoạch. Tuy nhiên các năm khác trong giai đoạn 2016 - 2019 đều đạt so với kế hoạch.

Vận hành Nhà máy Phân bón hiệu quả, an toàn, sản xuất theo nhu cầu thị trường. Từ năm 2017 đến nay, Công ty sản xuất sản lượng là 33.055 tấn, đạt 59,56% so với kế hoạch, một phần nguyên nhân do tình hình ngành nông nghiệp đang gặp khó khăn dẫn đến nhu cầu tiêu thụ phân bón giảm mạnh.



Về kinh doanh

Hiện nay, Nhà máy Bao bì Dầu khí Bạc Liêu ngoài việc vận hành sản xuất cung ứng 100% Bao bì cho Nhà máy Đạm Cà Mau, PPC còn đẩy mạnh cung cấp Bao bì cho một số ngành khác như: Thủy sản, gạo, thức ăn chăn nuôi,.. tập trung chủ yếu tại khu vực Tây Nam bộ. Đồng thời, Công ty đã đang từng bước thâm nhập thị trường xuất khẩu bao bì Campuchia.

Trong giai đoạn 2016 – 2019, sản lượng bao bì tiêu thụ là 106.612 nghìn bao, đạt 101,54% so với kế hoạch 5 năm (2016 – 2020), tăng 72% so với giai đoạn 5 năm trước. Sản lượng tiêu thụ phân bón đến hết 31/12/2019 đạt 32.948 tấn, bằng 58,94% so với kế hoạch 5 năm, bởi là sản phẩm mới nên chưa được thị trường tiếp nhận nhiều. Mặt khác, trong những năm gần đây, Công ty chịu sự tác động chung của ngành phân bón, bị ảnh hưởng tiêu cực từ thời tiết khí hậu dẫn đến người dân thay đổi cơ cấu đất trồng, đồng thời phân bón nhập khẩu tràn vào thị phần trong nước làm giảm thị phần của các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước nói chung và PPC nói riêng. Về doanh thu trong giai đoạn 2016 – 2019 đạt 1.066 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 42,82 tỷ đồng, bằng lần lượt 86,18%, 120,63% so với kế hoạch 5 năm.



Về đầu tư xây dựng

PPC đã thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Phân bón N. Humate+te công suất 30.000 tấn, hoàn thành cuối năm 2016 và đầu tư mua sắm máy móc thiết bị bổ sung cho Nhà máy Bao bì nâng cao công suất và chất lượng sản phẩm, với tổng mức đầu tư là 48,18 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 21,97 tỷ đồng và vốn vay là 26,22 tỷ đồng.

Về công tác quản lý, tổ chức

PPC đã từng bước tái cấu trúc Công ty theo hướng tinh gọn và hiệu quả, áp dụng các hình thức khoán lương theo sản phẩm, quản lý nhân sự trên hiệu quả công việc nhằm tạo động lực cho người lao động làm việc đạt năng suất tốt nhất.

Chú trọng, cải tiến trong công tác kiểm soát về kế hoạch, chi phí nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Tiếp tục, duy trì văn hóa Công ty với phương châm: “Uy tín – Trách nhiệm – Thân thiện – Sáng tạo”.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong giai đoạn 2016 – 2019, Ban Giám đốc đã có những thành tích tích cực trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Vận hành nhà máy Bao bì hoạt động an toàn, đạt công suất tối ưu và mức tăng trưởng bình quân là 3%.
- Chỉ đạo hoàn thành đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Phân bón Dầu khí Bạc Liêu và đưa vào hoạt động đầu năm 2017.
- Tái cấu trúc Công ty theo hướng tinh gọn.
- Duy trì và đảm bảo mức cổ tức cho cổ đông hàng năm ổn định.
- Xây dựng được đội ngũ kinh doanh phân bón tự chủ trong kinh doanh.
- Mở rộng kinh doanh cả bao bì và phân bón sang thị trường Campuchia.
- Xây dựng phương thức lập kế hoạch, kiểm soát chi phí theo từng cost center giúp việc kiểm soát chi phí được chặt chẽ và hiệu quả.

Bên cạnh đó còn một số điểm hạn chế

- Nhà máy bao bì và phân bón còn nhiều công đoạn thủ công, chưa tối ưu về nhân lực và năng suất làm việc.
- Đội ngũ nhân sự kỹ thuật chưa đáp ứng theo yêu cầu, do vị trí địa lý xa xôi nên khó thu hút nhân sự có trình độ, kinh nghiệm tốt.
- Do tình hình cạnh tranh bên ngoài gay gắt dẫn đến thị phần bao bì sản xuất cho các khách hàng bên ngoài còn hạn chế, chưa có được các khách hàng lớn với sản lượng cao và ổn định.
- Độ phủ sản phẩm phân bón N. Humate còn ít, mức độ nhận dạng sản phẩm còn kém, chưa phổ biến rộng rãi đến người nông dân.

Kế hoạch năm 2020 và định hướng 5 năm của Hội đồng quản trị

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2020
Sản lượng sản xuất		
Bao bì	Triệu bao	22,51
Phân bón	Nghìn Tấn	12,00
Sản lượng tiêu thụ		
Bao bì	Triệu bao	22,51
Phân bón	Nghìn Tấn	15,00
Doanh thu		
	Tỷ đồng	265,45
Bao bì	Tỷ đồng	182,19
Phân bón	Tỷ đồng	83,26
Lợi nhuận trước thuế		
	Tỷ đồng	6,68
Lợi nhuận sau thuế		
	Tỷ đồng	5,55
Tỷ lệ chia cổ tức	%	8,00

REGULATIONS

RULES

STANDARDS

COMPLIANCE

Kế hoạch năm 2020

► Về chiến lược kinh doanh

- Tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện chiến lược phát triển của Công ty cho phù hợp với thực tế.
- Giám sát thực hiện kế hoạch 2020 đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm bao bì, phân bón nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
- Tập trung nghiên cứu, cải tiến, áp dụng các công nghệ tiên tiến để vận hành hiệu quả Nhà máy Phân bón Dầu khí Bạc Liêu đảm bảo đưa ra thị trường sản phẩm tốt nhất.
- Tăng cường công tác truyền thông, đẩy mạnh bán hàng bao bì và sản phẩm phân bón, tìm kiếm những thị trường mới.

► Về công tác quản trị

- Tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị Công ty đối với Công ty niêm yết.
- Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công cụ tiên tiến, hiện đại để quản trị hiệu quả các nguồn lực của Công ty.
- Chú trọng trong công tác xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, tăng cường nghiên cứu thu thập thông tin thị trường, kênh phân phối để xây dựng chiến lược tự kinh doanh phân phối phân bón.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho vai trò quản lý và chuyên môn để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng định hướng phát triển của Công ty.
- Kiểm soát tốt các bộ định mức kinh tế kỹ thuật vận hành và khai thác tại Nhà máy; quản trị chặt chẽ chi phí, giá thành sản phẩm đảm bảo theo các bộ định mức kinh tế kỹ thuật và cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại.

► Về công tác khác

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành nhà máy an toàn, ổn định; thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa an toàn, đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết kiệm chi phí.
- Chỉ đạo thực hiện công tác đầu tư mua sắm đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra và tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo công tác kinh doanh cả 02 lĩnh vực sản phẩm bao bì và phân bón đảm bảo hiệu quả tốt nhất, đồng thời giữ vững và nâng cao thương hiệu, giá trị sản phẩm. Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

Định hướng giai đoạn 2021 - 2025

► Lĩnh vực bao bì

- Tập trung toàn bộ nguồn lực đáp ứng tất cả nhu cầu đóng gói của Đạm Cà Mau, đồng thời đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm để bảo vệ thương hiệu PVCFC. Tăng tỷ trọng Bao bì cung cấp cho khách hàng bên ngoài, xúc tiến xuất khẩu bao bì sang các nước khác như: Lào, Campuchia,... đảm bảo duy trì sản lượng bao bì đạt 24,5 triệu bao/năm.

► Lĩnh vực phân bón

- Duy trì sản xuất các sản phẩm phân bón N. Humate, NPK, NPK Humic.
- Là đơn vị gia công sản phẩm thử nghiệm phân bón mới của PVCFC và gia công cho các đối tác bên ngoài nhằm đảm bảo nhà máy sản xuất đạt công suất tối đa.
- Đảm bảo lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 5%/năm, mức cổ tức ổn định cho cổ đông (8 - 9%/năm).

► Sản xuất - thị trường

- Nâng cao trình độ tay nghề và kỹ thuật vận hành máy móc;
- Áp dụng triệt để chương trình 5S và Kaizen để loại bỏ lãng phí, tăng hiệu quả sản xuất;
- Không ngừng cải tiến, nghiên cứu công nghệ mới nhằm nâng cao công suất tối đa của máy móc;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt phân khúc bao bì chất lượng cao;
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phục vụ tốt nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước;
- Dẫn đầu về chất lượng, giá thành sản phẩm;
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng nhiệt tình, thân thiện và chu đáo;
- Thiện chí trong liên kết, hợp tác với khách hàng và đối tác;
- Không ngừng học hỏi, tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh;
- Xây dựng và giữ vững phương châm: “Uy tín - Chất lượng - An toàn - Hiệu quả”;
- Có chính sách bán hàng tốt nhằm xây dựng, định vị thương hiệu trên thị trường. Ngoài ra, đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu, sản phẩm và năng lực đến rộng rãi các đối tượng khách hàng tiềm năng thông qua các phương tiện truyền thông, internet,...



Quản trị Công ty

➔ Hội đồng quản trị

➔ Ban Kiểm soát

➔ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát



Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày không còn là thành viên HĐQT
01	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT từ 21/06/2018	Chủ tịch HĐQT từ 22/11/2019
02	Ông Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT từ ngày 14/04/2016	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ 22/11/2019
03	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT từ ngày 21/06/2018	
04	Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT từ ngày 24/04/2015	
05	Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ 22/11/2019	
06	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ 22/11/2019	
07	Ông Lê Quốc Dũng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT từ ngày 30/10/2014	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 22/11/2019

ÔNG NGUYỄN ĐỨC THUẬN - CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 08/03/1974

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Vận tải thủy bộ
Quá trình công tác	
Từ 01/1998 đến 09/1999	Công tác tại Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí
Từ 09/1999 đến 05/2002	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật tại Ban quản lý dự án nhà số 1 và 5 Lê Duẩn thuộc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
Từ 05/2002 đến 08/2007	Chuyên viên Kỹ thuật cho Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 08/2007 đến 06/2014	Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần bất động sản Dầu khí
Từ 21/06/2018 đến 21/11/2019	Thành viên HĐQT CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 22/11/2019 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN - THÀNH VIÊN HĐQT

Thông tin đã thể hiện ở phần II sơ yếu lý lịch của Ban điều hành

ÔNG TRẦN THIÊN HỒNG - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 04/03/1951

Quá trình công tác

Từ 1975 đến 1985	Công tác tại Hợp tác xã xây dựng Bình Minh
Từ 1985 đến nay	Kinh doanh buôn bán đồ gỗ tại gia
Từ 04/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

ÔNG ĐINH NHẬT DƯƠNG - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 08/07/1989

Trình độ chuyên môn	Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 09/2005 đến 09/2006	Trợ lý Kiểm toán tại Công ty Hợp danh Kiểm toán SGN
Từ 12/2006 đến 04/2010	Trợ lý Kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán Bắc Đẩu
Từ 04/2010 đến 01/2011	Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán Bắc Đẩu
Từ 02/2011 đến 05/2011	Phó Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng DKVN (PVEIC)
Từ 05/2011 đến 10/2013	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Thẩm định giá EIC Việt Nam
Từ 04/2014 đến 05/2015	Giám đốc tại Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Dương Minh
Từ 07/2015 đến 11/2016	Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán tại CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 11/2016 đến nay	Trưởng Phòng Kế toán, Ban Tài chính - Kế toán CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
từ 22/11/2019 đến nay	Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

BÀ TRẦN NHƯ QUỲNH - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 18/08/1979

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Từ 11/2001 đến 08/2005	Thư ký HACCP, Chuyên viên tại Xí nghiệp 2 – CTCP Chế biến và Xuất nhập khẩu Cà Mau
Từ 09/2005 đến 08/2008	Chuyên viên Phòng Kinh doanh tại CTCP Chế biến và Xuất nhập khẩu Cà Mau
Từ 09/2008 đến 01/2010	Chuyên viên Phòng Kinh tế kế hoạch tại Ban quản lý dự án Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 02/2010 đến 01/2011	Phó trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư tại Ban quản lý dự án Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 08/2012 đến 10/2014	Phó trưởng Ban Kế hoạch chiến lược (nay là Ban Kế hoạch – Đầu tư) tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau)
Từ 10/2014 đến 01/2015	Phó trưởng Ban Kế hoạch chiến lược (nay là Ban Kế hoạch – Đầu tư) tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau)
Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam - Đại diện phần vốn của PVCFC	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam - Đại diện phần vốn của PVCFC
Từ 02/2015 đến 06/2018	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam - Đại diện phần vốn của PVCFC	Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2018 đến nay	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 22/11/2019 đến nay	Thành viên HĐQT tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Trong khoản thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2019, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	10/10	
02	Ông Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch HĐQT	8/10	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 22/11/2019
03	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	10/10	
04	Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT	10/10	
05	Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	2/10	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 22/11/2019
06	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	2/10	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 22/11/2019
07	Ông Lê Quốc Dũng	Thành viên HĐQT	8/10	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 22/11/2019

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của Hội đồng quản trị được phân công cho các thành viên thẩm tra một số nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để ra quyết định. Đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
I.	Nghị quyết		
01	01/NQ-PPC-HĐ	09/01/2019	Vv hợp định kỳ quý IV/2018
02	02/NQ-PPC-HĐ	23/01/2019	Vv công tác cán bộ tại PPC
03	03/NQ-PPC-HĐ	21/02/2019	Vv sơ đồ tổ chức Công ty và các nội dung khác
04	04/NQ-PPC-HĐ	12/3/2019	Vv công tác cán bộ tại PPC
05	05/NQ-PPC-HĐ	21/3/2019	Vv hợp định kỳ quý I/2019
06	06/NQ-PPC-HĐ	07/5/2019	Vv chấp thuận đầu tư bổ sung thiết bị phục vụ sản xuất bao bì
07	07/NQ-PPC-HĐ	20/5/2019	Vv chấp thuận chủ trương thay đổi logo slogan PPC
08	08/NQ-PPC-HĐ	27/5/2019	Vv triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu năm 2018
09	09/NQ-PPC-HĐ	27/5/2019	Vv quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2018
10	10/NQ-PPC-HĐ	11/7/2019	Vv họp Hội đồng quản trị quý II/2019
11	11/NQ-PPC-HĐ	09/10/2019	Vv họp Hội đồng quản trị quý III/2019
12	12/NQ-PPC-HĐ	04/10/2019	Vv triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường
13	13/NQ-PPC-HĐ	11/10/2019	Vv phê duyệt kế hoạch lao động tiền lương năm 2019
14	14/NQ-PPC-HĐ	22/11/2019	Vv bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
15	15/NQ-PPC-HĐ	25/11/2019	Vv phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn trong Hội đồng quản trị
16	16/NQ-PPC-HĐ	24/12/2019	Vv họp Hội đồng quản trị quý IV/2019
II.	Quyết định		
17	01/QĐ-PPC-HĐ	23/01/2019	Vv miễn nhiệm Giám đốc
18	02/QĐ-PPC-HĐ	23/01/2019	Vv bổ nhiệm Giám đốc
19	03/QĐ-PPC-HĐ	24/01/2019	Vv thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
20	04/QĐ-PPC-HĐ	25/01/2019	Vv phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
21	05/QĐ-PPC-HĐ	21/02/2019	Vv bổ nhiệm Phó Giám đốc
22	06/QĐ-PPC-HĐ	21/02/2019	Vv bổ nhiệm Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh
23	07/QĐ-PPC-HĐ	12/3/2019	Vv ban hành Sơ đồ tổ chức Công ty
24	08/QĐ-PPC-HĐ	12/3/2019	Vv thay đổi tên chức vụ cán bộ
25	09/QĐ-PPC-HĐ	12/3/2019	Vv bổ nhiệm Quyền Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất
26	10/QĐ-PPC-HĐ	12/3/2019	Vv bổ nhiệm Trưởng Vận hành sản xuất
27	11/QĐ-PPC-HĐ	12/3/2019	Vv bổ nhiệm Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán
28	12/QĐ-PPC-HĐ	24/4/2019	Vv đi công tác nước ngoài của Giám đốc PPC

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
29	13/QĐ-PPC-HĐ	25/4/2019	Vv ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng và thu lao Ban quản lý điều hành
30	14/QĐ-PPC-HĐ	25/4/2020	Vv ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng PPC
31	15/QĐ-PPC-HĐ	28/4/2019	Vv chấp thuận giao dịch giữa PPC và PVCFC
32	16/QĐ-PPC-HĐ	11/7/2019	Vv bổ sung Quy chế mua sắm hàng hóa, thuê dịch vụ
33	17/QĐ-PPC-HĐ	24/7/2019	Vv ban hành Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh
34	18/QĐ-PPC-HĐ	08/8/2019	Vv tăng vốn điều lệ, sửa đổi Điều lệ Công ty
35	19/QĐ-PPC-HĐ	21/8/2019	Vv cử cán bộ đi công tác
36	20/QĐ-PPC-HĐ	26/8/2019	Vv sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng, thù lao Ban điều hành
37	21/QĐ-PPC-HĐ	6/10/2019	Vv đi công tác nước ngoài của Giám đốc
38	22/QĐ-PPC-HĐ	07/10/2019	Vv bổ nhiệm Phó Giám đốc
39	23/QĐ-PPC-HĐ	24/12/2019	Vv ban hành Quy chế Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng PPC
40	24/QĐ-PPC-HĐ	24/12/2019	Vv ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao Ban quản lý điều hành
41	25/QĐ-PPC-HĐ	24/12/2019	Vv sửa đổi, bổ sung Bộ định mức kinh tế kỹ thuật Công ty
42	26/QĐ-PPC-HĐ	24/12/2019	Vv ban hành Quy chế quyết định phân cấp đầu tư, quản lý hoạt động lựa chọn nhà thầu

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Căn cứ Điều lệ hoạt động và Quy chế, quy định của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các nhiệm vụ được giao. Việc giám sát được thực hiện thông qua các báo cáo của Giám đốc tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp giao ban của Ban điều hành. Ngoài ra, Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, làm việc với Ban điều hành về các vấn đề liên quan trong việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển Công ty.

Ban kiểm soát

Danh sách Kiểm soát viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Vũ Chí Dương	Trưởng BKS	Thành viên BKS từ 14/04/2016–20/06/2018. Trưởng BKS từ 21/06/2018 – nay	
02	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	Trưởng BKS từ 14/04/2016–20/06/2018. Thành viên BKS từ 14/04/2016 - 20/06/2018	
03	Ông Nguyễn Quang Tám	Kiểm soát viên	Thành viên BKS từ 14/04/2016	Miễn nhiệm Kiểm soát viên từ ngày 22/11/2019

ÔNG VŨ CHÍ DƯƠNG - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 23/04/1974

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Kế toán- Kiểm toán, Cử nhân Luật
Quá trình công tác	
Từ 03/2001 đến 01/2004	Chuyên viên Pháp chế tại CTCP Nhiệt điện Bà Rịa
Từ 02/2004 đến 11/2007	Chuyên viên Kinh tế Hợp đồng tại Ban quản lý cụm dự án Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 12/2007 đến 12/2008	Chuyên viên Tín dụng doanh nghiệp tại CTCP Tài chính Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu
Từ 12/2008 đến 08/2009	Chuyên viên Kế toán phụ trách chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí
Từ 09/2009 đến 11/2011	Tổ trưởng Kế toán thanh toán & thương mại tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ - CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí
Từ 12/2011 đến 06/2015	Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Từ 07/2015 đến 07/2017	Tổ trưởng Kiểm tra Tuân thủ kiêm phụ trách Tổ Quản lý rủi ro - Ban Kiểm soát nội bộ tại CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 08/2017 đến 06/2018	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm) CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2018 đến nay	Phó trưởng phòng Kiểm tra Tuân thủ kiêm phụ trách Tổ Quản lý rủi ro, Ban Kiểm soát nội bộ tại CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau Trưởng Ban kiểm soát tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

BÀ NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG - KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh: 10/12/1982

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 07/2012 đến 04/2016	Kế toán vật tư, bán hàng kiêm thủ quỹ tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2016 đến 05/2018	Trưởng Ban kiểm soát tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 09/2018 đến nay	Phó Phòng Kinh doanh Kiểm soát viên tại CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	1.470 cổ phiếu chiếm 0,03% vốn điều lệ

Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, xem xét các báo cáo tài chính của Công ty và thực hiện việc giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành, luôn đặt lợi ích Công ty lên hàng đầu, tập trung xây dựng và phát triển Công ty.
- Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các Nghị quyết/Quyết định, chỉ thị của PVCFC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đều được Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kịp thời.
- Kiểm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính bán niên và kiểm tra báo cáo tài chính kiểm toán năm của Công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. Công ty đã lập báo cáo tài chính đúng thời hạn và phù hợp với Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn được ưu tiên hàng đầu. Về cơ bản, các quy chế, quy trình, quy định đều phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, tình hình hoạt động của Công ty và được cán bộ, nhân viên thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Công ty đang tiếp tục rà soát, bổ sung và sửa đổi các quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý, điều hành.
- Các quyết định, chỉ thị của Giám đốc đều được ban hành đúng thẩm quyền, hợp pháp và kịp thời nhằm điều hành tốt hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Năm 2019 Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi và thảo luận với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty;
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Trưởng Ban kiểm soát tham gia để đánh giá tình hình thực hiện định hướng, chiến lược và thiết lập các định hướng, đề ra giải pháp chiến lược theo tình hình mới làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các tài liệu họp Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát xem xét và đóng góp ý kiến. Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Các biên bản họp của Hội đồng quản trị đều được gửi tới Ban kiểm soát để cập nhật và đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời.
- Ngoài việc kiểm tra giám sát, trong quá trình soạn thảo, ban hành các quy chế, quy định, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát với chuyên môn của mình đã tham gia tư vấn, góp ý để hoàn thiện hơn, phù hợp với tình hình thực tế.
- Năm 2019 Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng
I Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	75.300.923	42.769.231	3.464.100
2	Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	-
3	Đình Nhật Dương	Thành viên HĐQT	-	5.230.769	-
4	Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	-	5.230.769	-
5	Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch HĐQT	-	64.153.846	-
II Ban kiểm soát					
1	Vũ Chí Dương	Trưởng BKS	-	42.000.000	-
2	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	-	24.000.000	-
3	Nguyễn Quang Tám	Kiểm soát viên	-	21.384.615	-
III Ban điều hành					
1	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	539.623.111	2.814.815	100.742.900
2	Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc	568.377.216	-	62.863.600
3	Lê Cảnh Khánh	Kế toán trưởng	475.747.624	-	55.178.000
4	Lê Quốc Dũng	Giám đốc	373.312.555	-	33.160.000
5	Lê Quốc Bảo	Phó Giám Đốc	55.384.615	-	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Người giao dịch	Chức vụ	Mua	Ngày thực hiện	Số lượng cổ phiếu sau giao dịch (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Hữu Kiệt	-	2400 cổ phiếu	04/12/2019	384.427	8,01

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2019, Công ty có thực hiện giao dịch mua bán sản phẩm Bao bì và Phân bón với Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau là công ty mẹ - Cổ đông lớn (chiếm 51,03% vốn điều lệ Công ty).



PHẦN VI:

Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)
	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)
Ông Trần Chí Nguyên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)
Ông Lê Quốc Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)
Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên
Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)
Ông Trần Như Quỳnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2019)
Ông Lê Quốc Dũng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc
Ông Lê Quốc Bảo	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 3 năm 2020, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Công Cương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3992-2017-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.690.058.006	66.239.010.721
I. Tiền	110	4	6.690.966.187	2.738.000.820
1. Tiền	111		6.690.966.187	2.738.000.820
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.786.514.181	42.307.089.098
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	17.731.882.675	42.188.157.996
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		90.227.600	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		49.000.000	118.931.102
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(84.596.094)	-
III. Hàng tồn kho	140	6	52.486.461.111	20.331.975.197
1. Hàng tồn kho	141		52.486.461.111	20.331.975.197
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		726.116.527	861.945.606
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	726.116.527	861.945.606
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.049.943.182	69.447.123.441
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		58.847.865.001	69.022.977.514
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	58.826.753.890	68.875.199.736
- Nguyên giá	222		119.304.327.463	118.612.827.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.477.573.573)	(49.737.627.727)
2. Tài sản cố định vô hình	227		21.111.111	147.777.778
- Nguyên giá	228		380.000.000	380.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(358.888.889)	(232.222.222)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.199.078.181	421.145.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	2.199.078.181	421.145.927
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		138.740.001.188	135.686.134.162

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

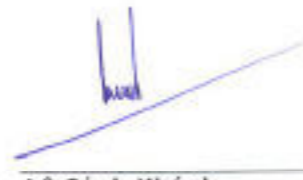
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		77.151.174.704	73.583.871.081
I. Nợ ngắn hạn	310		67.879.254.036	59.845.830.413
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	37.257.255.139	22.621.778.981
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		365.332.158	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	1.715.626.936	922.938.351
4. Phải trả người lao động	314		4.439.524.791	7.866.356.511
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.239.633.087	301.023.930
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	2.392.151.264	2.066.359.335
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	19.085.178.547	24.881.161.941
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		119.397.600	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.265.154.514	1.186.211.364
II. Nợ dài hạn	330		9.271.920.668	13.738.040.668
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	9.271.920.668	13.738.040.668
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.588.826.484	62.102.263.081
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	61.588.826.484	62.102.263.081
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.995.160.000	45.709.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.995.160.000	45.709.940.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.136.334.523	6.687.883.883
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.457.331.961	9.704.439.198
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		113.988.358	48.101.596
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.343.343.603	9.656.337.602
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		138.740.001.188	135.686.134.162



Trịnh Thanh Trúc
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 3 năm 2020



Lê Cảnh Khánh
Kế toán trưởng



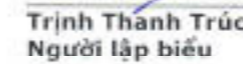
Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

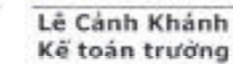
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	224.617.506.006	236.900.084.887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	880.000.000	297.244.902
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		223.737.506.006	236.602.839.985
4. Giá vốn hàng bán	11	17	196.867.213.615	204.770.198.322
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.870.292.391	31.832.641.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		19.133.561	6.963.517
7. Chi phí tài chính	22	19	2.022.286.858	3.279.261.192
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.972.200.329	3.267.084.848
8. Chi phí bán hàng	25	20	7.753.995.531	5.107.126.095
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	10.584.947.177	12.558.061.521
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		6.528.196.386	10.895.156.372
11. Thu nhập khác	31		3.243.730	-
12. Chi phí khác	32		-	165.321.339
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		3.243.730	(165.321.339)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.531.440.116	10.729.835.033
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	21	1.188.096.513	1.073.497.431
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.343.343.603	9.656.337.602
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	891	1.458

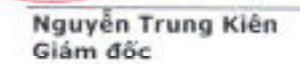


Trịnh Thanh Trúc
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 3 năm 2020



Lê Cảnh Khánh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.531.440.116	10.729.835.033
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.866.612.513	10.739.091.971
Các khoản dự phòng	03	203.993.694	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	35.348.542	11.804.892
Chi phí lãi vay	06	1.972.200.329	3.267.084.848
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.609.595.194	24.747.816.744
Giảm/(tăng) các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	24.397.386.551	(26.627.382.681)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(32.154.485.914)	5.721.831.081
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	11	13.871.586.457	7.945.716.102
Tiền lãi vay đã trả	12	(1.642.103.175)	1.233.578.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.000.223.513)	(3.264.977.050)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(974.330.339)	(1.150.162.689)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.243.730	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20	18.532.527.741	7.422.101.510
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.117.763.180)	(3.400.319.144)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.117.763.180)	(3.400.319.144)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	50.987.700.948	169.766.673.943
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.249.804.342)	(171.656.756.842)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.199.695.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	40	(13.461.799.194)	(1.890.082.899)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.952.965.367	2.131.699.467
Tiền đầu năm	60	2.738.000.820	606.301.353
Tiền cuối năm	70	6.690.966.187	2.738.000.820

Trịnh Thanh Trúc
Người lập biểu

Lê Cảnh Khánh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười hai ngày 12 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Từ ngày 27 tháng 01 năm 2015, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PBP.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 220 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 263 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chất dẻo nguyên sinh và phân bón;
- In ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác;
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; và
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE và phân bón.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như trình bày tại Thuyết minh số 22.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ, vật liệu, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải trả và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì: Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 6022100003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chúng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013

và các quy định hiện hành, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thuế suất ưu đãi 17%; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2019 là năm thứ 2 Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 17%.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Công ty chưa có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	29.830.640	32.710.310
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.661.135.547	2.705.290.510
	6.690.966.187	2.738.000.820

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	14.937.099.919	38.545.117.166
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	-	39.270.000
Các khách hàng khác	2.794.782.756	3.603.770.830
	17.731.882.675	42.188.157.996
Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 23)	14.937.099.919	38.545.117.166

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.672.695.633	-	6.714.387.957	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.017.307.163	-	2.923.658.081	-
Thành phẩm	30.796.458.315	-	10.693.929.159	-
	52.486.461.111	-	20.331.975.197	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	169.789.726	75.198.091
- Vật liệu, phụ tùng thay thế	214.845.575	113.186.000
- Các khoản khác	341.481.226	673.561.515
	726.116.527	861.945.606
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa đường nội bộ	939.541.372	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	137.715.476	284.122.244
- Chi phí đào tạo cán bộ công nhân viên	-	111.661.562
- Các khoản khác	1.121.821.333	25.362.121
	2.199.078.181	421.145.927

8. TĂNG GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	52.817.952.772	58.199.437.079	7.243.517.751	351.919.861	118.612.827.463
Tăng trong năm	98.000.000	593.500.000	-	-	691.500.000
Số dư cuối năm	52.915.952.772	58.792.937.079	7.243.517.751	351.919.861	119.304.327.463
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	15.294.277.035	30.174.861.436	4.107.112.035	161.377.221	49.737.627.727
Khấu hao trong năm	3.088.275.263	6.822.182.621	753.110.433	76.377.529	10.739.945.846
Số dư cuối năm	18.382.552.298	36.997.044.057	4.860.222.468	237.754.750	60.477.573.573
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	37.533.400.474	21.795.893.022	2.383.295.283	114.165.111	58.826.753.890
Tại ngày đầu năm	37.523.675.737	28.024.575.643	3.136.405.716	190.542.640	68.875.199.736
Tại ngày cuối năm	34.533.400.474	21.795.893.022	2.383.295.283	114.165.111	58.826.753.890

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5.030.803.661 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.048.367.272 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu" và tài sản cố định hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 53.826.819.196 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 63.522.533.553 VND).

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	646.578.417	4.522.896.803	4.047.656.209	1.121.819.011
- Thuế GTGT đầu ra	646.578.417	4.312.867.751	3.837.627.157	1.121.819.011
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	210.029.052	210.029.052	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	231.596.134	1.188.096.513	974.330.339	445.362.308
Thuế thu nhập cá nhân	44.763.800	309.729.111	327.181.550	27.311.361
Thuế khác	-	124.134.256	3.000.000	121.134.256
	922.938.351	6.144.856.683	5.352.168.098	1.715.626.936

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải				
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Bao Bì Lương Thực	15.832.166.636	15.832.166.636	68.994.750	68.994.750
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	4.128.586.000	4.128.586.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	17.296.502.503	17.296.502.503	22.552.784.231	22.552.784.231
	37.257.255.139	37.257.255.139	22.621.778.981	22.621.778.981
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 23)	2.037.253.600	2.037.253.600	3.858.443.200	3.858.443.200

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng hóa đi mượn (*)	1.509.320.736	1.509.320.736
Kinh phí công đoàn	455.293.350	193.854.870
Bảo hiểm xã hội	337.974.477	286.692.825
Bảo hiểm y tế	60.122.455	51.072.748
Bảo hiểm thất nghiệp	29.440.246	25.418.156
	2.392.151.264	2.066.359.335
Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	1.509.320.736	1.509.320.736

(*) Phản ánh giá trị nguyên vật liệu Công ty mượn từ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau - Công ty mẹ để phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy Phân bón nhưng chưa hoàn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (1)	14.638.139.701	14.638.139.701	50.987.700.948	51.006.782.102	14.619.058.547	14.619.058.547
Nợ dài hạn đến hạn trả	10.243.022.240	10.243.022.240	4.466.120.000	10.243.022.240	4.466.120.000	4.466.120.000
	24.881.161.941	24.881.161.941	55.453.820.948	61.249.804.342	19.085.178.547	19.085.178.547

(1) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với thời gian vay tối đa không quá 3 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì và phần ure đen. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất theo lãi suất cơ sở cộng biến đổi quy định nhưng tối thiểu không thấp hơn lãi suất sàn cho vay do bên cho vay quy định.

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng (1)	23.981.062.908	23.981.062.908	-	10.243.022.240	13.738.040.668	13.738.040.668
	23.981.062.908	23.981.062.908	-	10.243.022.240	13.738.040.668	13.738.040.668
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	10.243.022.240	10.243.022.240			4.466.120.000	4.466.120.000
- Số phải trả sau 12 tháng	13.738.040.668	13.738.040.668			9.271.920.668	9.271.920.668

(1) Thể hiện các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu theo các hợp đồng hạn mức tín dụng với thời hạn vay từ 3 đến 7 năm để phục vụ cho mục đích đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất của các khoản vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo thời gian.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.466.120.000	10.243.022.240
Trong năm thứ hai	3.994.679.386	4.466.120.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.277.241.282	9.271.920.668
Sau năm năm	-	-
	13.738.040.668	23.981.062.908
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	4.466.120.000	10.243.022.240
Số phải trả sau 12 tháng	9.271.920.668	13.738.040.668

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	40.812.490.000	5.616.527.985	7.445.382.024	53.874.400.009
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.656.337.602	9.656.337.602
Trích lập các quỹ	-	1.071.355.898	(2.499.830.428)	(1.428.474.530)
Chia cổ tức	4.897.450.000	-	(4.897.450.000)	-
Số dư đầu năm nay	45.709.940.000	6.687.883.883	9.704.439.198	62.102.263.081
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.343.343.603	5.343.343.603
Trích lập các quỹ (i)	-	1.448.450.640	(4.105.535.040)	(2.657.084.400)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	2.285.220.000	-	(2.285.220.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(3.199.695.800)	(3.199.695.800)
Số dư cuối năm nay	47.995.160.000	8.136.334.523	5.457.331.961	61.588.826.484

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHCD ngày 18 tháng 4 năm 2019, Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 1.448.450.640 VND và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 2.657.084.400 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2018.

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.799.516	4.570.994
Cổ phiếu phổ thông	4.799.516	4.570.994
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.799.516	4.570.994
Cổ phiếu phổ thông	4.799.516	4.570.994

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười hai ngày 12 tháng 8 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 47.995.160.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND %
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	24.491.670.000	51,03%	24.491.670.000	23.325.400.000 51,03%
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	3.528.000.000	7,35%	3.528.000.000	3.360.000.000 7,35%
Cổ đông khác	19.975.490.000	41,62%	19.975.490.000	19.024.540.000 41,62%
	47.995.160.000	100%	47.995.160.000	45.709.940.000 100%

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHCD ngày 18 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện lần lượt là 7%/cổ phiếu và 5%/cổ phiếu tương đương với 3.199.695.800 VND và 2.285.220.000 VND. Cổ phiếu được chấp nhận niêm yết bổ sung theo Thông báo số 913/TB-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 14 tháng 8 năm 2019.

15. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất và kinh doanh bao bì và Bộ phận sản xuất và kinh doanh phân bón.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Năm nay	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	173.316.404.506	50.303.871.500	223.620.276.006
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(149.488.937.644)	(47.378.275.971)	(196.867.213.615)
Chi phí hoạt động bộ phận	(2.665.144.993)	(4.011.742.182)	(6.676.887.175)
Chi phí tài chính	(459.656.950)	(1.133.225.958)	(1.592.882.908)
Chi phí khác	-	-	-
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	20.702.664.919	(2.219.372.611)	18.483.292.308
Doanh thu dịch vụ			117.230.000
Chi phí hoạt động chung			(11.662.055.533)
Doanh thu hoạt động tài chính			19.133.561
Chi phí tài chính			(429.403.950)
Thu nhập khác			3.243.730
Lợi nhuận trước thuế			6.531.440.116
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.188.096.513)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.343.343.603

Năm trước	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	173.186.591.735	63.416.248.250	236.602.839.985
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(147.841.645.636)	(56.928.552.686)	(204.770.198.322)
Chi phí hoạt động bộ phận	(2.583.117.212)	(2.526.377.252)	(5.109.494.464)
Chi phí tài chính	(1.320.475.621)	(1.339.336.475)	(2.659.812.096)
Chi phí khác	(165.321.339)	-	(165.321.339)
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	21.276.031.927	2.621.981.837	23.898.013.764
Doanh thu dịch vụ			-
Chi phí hoạt động chung			(12.555.093.152)
Doanh thu hoạt động tài chính			6.963.517
Chi phí tài chính			(619.449.096)
Lợi nhuận trước thuế			10.729.835.033
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.073.497.431)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			9.656.337.602

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Số cuối năm	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	51.082.365.622	55.482.509.434	106.564.875.056
Tài sản không phân bổ			32.175.126.132
Tổng cộng tài sản			138.740.001.188
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	28.848.542.226	21.598.969.553	50.447.511.779
Nợ phải trả không phân bổ			26.703.662.925
Tổng cộng nợ phải trả			77.151.174.704
Số đầu năm			
Tài sản			
Tài sản bộ phận	66.420.653.139	58.078.165.040	124.498.818.179
Tài sản không phân bổ			11.187.315.983
Tổng cộng tài sản			135.686.134.162
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	20.343.984.966	22.969.075.256	43.313.060.222
Nợ phải trả không phân bổ			30.270.810.859
Tổng cộng nợ phải trả			73.583.871.081

16. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng		
Trong đó:		
Doanh thu bán bao bì	173.005.163.506	173.318.036.637
Doanh thu bán phân bón	51.183.871.500	63.416.248.250
Doanh thu bán bao phế	311.241.000	165.800.000
Doanh thu khác	117.230.000	-
	224.617.506.006	236.900.084.887
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	880.000.000	-
Giảm giá hàng bán	-	297.244.902
	880.000.000	297.244.902
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	194.426.766.665	220.898.582.120

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của bao bì đã bán	149.488.937.644	147.841.645.636
Giá vốn của phân bón đã bán	47.378.275.971	56.928.552.686
	196.867.213.615	204.770.198.322

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	179.183.980.453	161.452.246.874
Chi phí nhân công	26.532.996.979	32.587.665.247
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.866.612.513	10.739.091.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.442.228.431	8.164.658.517
Chi phí khác bằng tiền	6.594.619.785	4.213.827.383
	233.620.438.161	217.157.489.992

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.972.200.329	3.267.084.848
Chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	35.348.542	12.176.344
Chênh lệch tỷ giá đối với các giao dịch phát sinh trong năm	14.737.987	-
	2.022.286.858	3.279.261.192

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	4.900.699.601	7.189.278.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.394.903.754	1.440.355.765
Thuế, phí và lệ phí	205.211.393	168.022.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.940.790.479	2.304.194.077
Chi phí khác bằng tiền	2.143.341.950	1.456.210.342
	10.584.947.177	12.558.061.521
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.207.033.568	1.007.843.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.744.597	265.246.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.593.042.015	2.798.894.850
Chi phí khác bằng tiền	2.704.175.351	1.035.141.538
	7.753.995.531	5.107.126.095

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.004.949.824	1.672.200.381
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	183.146.689	(598.702.950)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.188.096.513	1.073.497.431

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	6.531.440.116	10.729.835.033
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(912.012.127)	(1.334.932.745)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	285.584.046	427.692.307
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.905.012.035	9.822.594.595
- Thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì	10.838.243.512	10.720.771.574
- Thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón	(4.933.231.477)	(898.176.979)
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	36.592.600	78.643.320
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 17%	5.868.419.435	9.743.951.275
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.004.949.824	1.672.200.381

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì: Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013 và các quy định hiện hành, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 20% trong thời hạn 10 năm và từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thuế suất ưu đãi là 17%; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Theo Công văn số 380/CT-TTHT ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu, dự án Nhà máy sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu được xác định là dự án đầu tư mới. Do đó, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 17% trong thời hạn 10 năm; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.343.343.603	9.656.337.602
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(1.068.668.721)	(2.657.084.400)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.274.674.882	6.999.253.202
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	4.799.516	4.799.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	891	1.458

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 18 tháng 4 năm 2019.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 14. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện này được điều chỉnh với giả thuyết sự kiện này đã xảy ra ngay thời điểm đầu năm tài chính.

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
	Cổ phiếu	VND
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.570.994	1.690
Trình bày lại	228.522	(232)
Số sau trình bày lại	4.799.516	1.458

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có sổ dư và giao dịch chủ yếu trong năm với Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Chủ sở hữu
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	
Các đơn vị cùng Tập đoàn	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	194.426.766.665	220.898.582.120
	194.426.766.665	220.898.582.120
Chia cổ tức		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau		
- Chia cổ tức bằng tiền	1.632.778.000	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	1.166.270.000	2.499.150.000
	2.799.048.000	2.499.150.000
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	18.474.377.091	14.812.670.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	2.901.600.000	1.530.500.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại Bạc Liêu - Cửa hàng xăng dầu số 17	107.863.275	96.829.240
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Bạc Liêu	-	57.355.000
	21.483.840.366	16.497.354.240
Dịch vụ khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	107.298.350	85.819.573
	107.298.350	85.819.573

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	14.937.099.919	38.545.117.166
	14.937.099.919	38.545.117.166
Các khoản phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.037.253.600	3.698.943.200
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	-	159.500.000
	2.037.253.600	3.858.443.200
Các khoản phải trả khác		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.509.320.736	1.509.320.736
	1.509.320.736	1.509.320.736

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.415.849.816	2.865.045.075
	2.415.849.816	2.865.045.075

24. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 5%/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 18 tháng 4 năm 2019. Giá trị cổ phiếu đã phát hành theo mệnh giá là 2.285.220.000 VND, tương đương với 228.522 cổ phiếu. Theo đó, chỉ tiêu Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty không bao gồm khoản tiền tương ứng nêu trên (khoản tiền này đã được điều chỉnh tăng vốn góp của chủ sở hữu đồng thời giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).






Trịnh Thanh Trúc
 Người lập biểu
 Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
 Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2020
 XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN TRUNG KIÊN